



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

3

Tháng 2 - 2020

LỄ CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BỔ NHIỆM THỨ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2020



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà phát biểu tại buổi Lễ



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà trao Quyết định và tặng hoa chúc mừng tân Thứ trưởng Nguyễn Tường Vân

THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ
TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ HAI MỘT

3

SỐ 3 - 2/2020



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@voc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất 5
- Thủ tướng ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 6
- Văn phòng chính phủ có Thông báo về ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng tại cuộc họp đánh giá công tác chỉ đạo ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2019 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2020. 7

Văn bản của địa phương

- UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định quy định về bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2024 10
- UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh 13

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

ĐỖ HỮU LỰC

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN
(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠN
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH
CN. TRẦN ĐÌNH HÀ
CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH
CN. NINH HOÀNG HẠNH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Bê tông cốt liệu tái chế ứng dụng phương pháp đổ hai giai đoạn cốt liệu sắp trước 15
- Ảnh hưởng của thạch cao và xi măng alumin đến chất kết dính trên cơ sở xi măng pooc lăng sử dụng trong bê tông bọt không chung áp 18
- Thực trạng triển khai tái chế và sử dụng tro xỉ ở Việt Nam 20
- Dữ liệu lớn giúp thay đổi đời sống người dân - Kinh nghiệm vệ sinh môi trường thông minh tại thành phố An Khê, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc 24
- Quản lý giám sát và phát triển chủ thể thị trường phân loại rác thải sinh hoạt - Kinh nghiệm thực tiễn từ tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc 26
- Thành phố thông minh 2019+ 29

Thông tin

- Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn làm việc với Giám đốc Quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam 32
- Lễ Công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm Thứ trưởng Bộ Xây dựng 32
- Đánh giá 10 năm công tác quy hoạch nông thôn mới trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 33
- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Lâm Đồng giai đoạn 2010 - 2020 và phương hướng nhiệm vụ trong giai đoạn tiếp theo 39
- Sở Xây dựng Thanh Hóa hoàn thành tốt kế hoạch năm 2019, đẩy mạnh triển khai nhiệm vụ năm 2020 42
- St. Peterburg (Nga) và kiến trúc bền vững sinh thái 43



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

Ngày 03 tháng 01 năm 2020 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 06/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất như sau:

“Điều 17. Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư; dự án thu hồi đất liên quan đến nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư mà phải di chuyển cả cộng đồng dân cư, làm ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống, kinh tế - xã hội, truyền thống văn hóa của cộng đồng; dự án thu hồi đất liên quan đến nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện như sau:

a. Bộ, ngành có dự án đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với UBND cấp tỉnh nơi có đất thu hồi xây dựng khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định và phải bảo đảm kinh phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái

định cư bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- Diện tích từng loại đất dự kiến thu hồi;
- Số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trong khu vực dự kiến thu hồi đất;
- Dự kiến mức bồi thường, hỗ trợ đối với từng loại đối tượng thu hồi đất; dự kiến giá đất bồi thường đối với từng loại đất, từng loại vị trí;
- Phương án bố trí tái định cư (dự kiến số hộ tái định cư, địa điểm, hình thức tái định cư);
- Dự kiến tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và nguồn vốn để thực hiện;
- Dự kiến tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;
- Dự kiến thời gian và kế hoạch di chuyển, bàn giao mặt bằng.

Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải thể hiện các nội dung nêu trên cho toàn bộ dự án và chi tiết đến từng địa phương (nếu có). Trường hợp thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư mà phải xây dựng khu tái định cư tập trung thì trong các nội dung quy định tại Khoản này phải bao gồm cả khu vực thu hồi đất để xây dựng khu tái định cư tập trung đó.

b. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức thẩm tra khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

c. Căn cứ vào khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định, UBND cấp tỉnh tổ chức lập, thẩm

định và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án thực hiện tại địa phương sau khi đã có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ, ngành có dự án đầu tư; tổ chức thực hiện và quyết toán kinh phí bồi thường, hỗ

trợ, tái định cư với Bộ, ngành có dự án đầu tư”.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2020.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 14 tháng 02 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 259/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Thời kỳ quy hoạch: thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Phạm vi của Quy hoạch: trên toàn bộ Lãnh thổ Việt Nam bao gồm các vùng đất, vùng nước (vùng nước mặt lục địa và vùng nước biển), vùng trời, không khí, lòng đất thuộc chủ quyền của Việt Nam.

1. Yêu cầu về quan điểm, nguyên tắc và mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quan trắc môi trường; phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về quan trắc môi trường và pháp luật khác có liên quan;

- Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia phải bảo đảm lồng ghép tối đa giữa các lĩnh vực, có tính kế thừa, tận dụng cơ sở vật chất kỹ thuật và đội ngũ quan trắc viên hiện có;

- Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia phải ưu tiên nâng cao năng lực cảnh báo môi trường của quốc gia;

- Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia phải hướng tới tăng cường xã hội hoá đối với hoạt động quan trắc môi trường.

2. Nguyên tắc lập quy hoạch tổng thể

quan trắc môi trường quốc gia

- Bảo đảm việc tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan tới quy hoạch trong các Luật và Nghị định; Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch khác có liên quan; Bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia;

- Bảo đảm tính nhân dân, sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân;

- Bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, dự báo, khả thi, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn lực của đất nước đảm bảo tính khách quan, công khai, minh bạch;

- Bảo đảm tính độc lập giữa cơ quan lập quy hoạch với Hội đồng thẩm định quy hoạch; Bảo đảm nguồn lực để thực hiện quy hoạch;

- Bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch, phân cấp, phân quyền hợp lý giữa các cơ quan nhà nước.

3. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng được quy hoạch các trạm quan trắc môi trường phục vụ việc quan trắc môi trường nền và quan trắc môi trường tác động tới năm 2030 nhằm đáp ứng yêu cầu công tác theo dõi diễn biến chất lượng môi trường quốc gia.

- Xây dựng mạng lưới các điểm quan trắc theo từng thành phần môi trường bao gồm quan

trắc môi trường nền và quan trắc môi trường tác động, cung cấp thông tin, dữ liệu về chất lượng môi trường cho công tác quản lý; xây dựng hệ thống quan trắc đa dạng sinh học và các thông số quan trắc chủ yếu về đa dạng sinh học;

+ Tăng cường năng lực cho các trạm quan trắc môi trường hiện có và các trạm quan trắc môi trường địa phương;

+ Thiết kế hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về quan trắc môi trường quốc gia, xây dựng cơ chế điều phối, chia sẻ thông tin quan trắc môi trường giữa các mạng lưới/chương trình quan trắc.

4. Nội dung lập quy hoạch

- Xây dựng nội dung về phân tích, đánh giá hiện trạng mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia; hệ thống phòng thí nghiệm, phân tích môi trường và hệ thống quản lý số liệu, dữ liệu quan trắc môi trường.

- Xây dựng quan điểm, mục tiêu, lựa chọn phương án quy hoạch tổng thể hệ thống quan trắc môi trường quốc gia phù hợp với phân vùng môi trường, định hướng quan trắc và cảnh báo môi trường trong quy hoạch bảo vệ môi trường.

- Xây dựng nội dung về bố trí mạng lưới

quan trắc môi trường quốc gia, bao gồm định hướng các điểm, thông số, tần suất quan trắc môi trường đất, nước, không khí trên phạm vi cả nước và các trạm quan trắc tự động; định hướng phát triển hệ thống phòng thí nghiệm, phân tích môi trường và hệ thống quản lý số liệu, dữ liệu quan trắc môi trường.

- Định hướng phát triển hệ thống phòng thí nghiệm, phân tích môi trường và hệ thống quản lý số liệu, dữ liệu quan trắc môi trường.

- Xây dựng định hướng liên kết mạng lưới, cơ sở dữ liệu, số liệu quan trắc môi trường quốc gia với mạng lưới, cơ sở dữ liệu, số liệu quan trắc môi trường cấp tỉnh và kết nối mạng lưới quan trắc môi trường.

- Xây dựng danh mục dự án quan trắc môi trường quốc gia

- Xây dựng lộ trình và nguồn lực thực hiện quy hoạch .

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Văn phòng chính phủ có Thông báo về ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng tại cuộc họp đánh giá công tác chỉ đạo ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2019 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2020

Ngày 06 tháng 02 năm 2020, Văn phòng chính phủ có Thông báo số 24/TB-VPCP về ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng tại cuộc họp đánh giá công tác chỉ đạo ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2019 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2020.

1. Đánh giá cao và biểu dương tinh thần, trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương và các Thành viên Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn. Đặc biệt,

biểu dương Văn phòng Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn và Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai đã làm tốt vai trò tham mưu, chủ động điều phối, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan thực hiện tốt các chỉ thị, công điện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn, luôn sẵn sàng lực lượng, phương tiện theo phương châm “4 tại chỗ” giúp Ủy ban

chỉ đạo, thực hiện hiệu quả nhiều việc đột xuất, quan trọng. Năm 2019 xảy ra nhiều vụ việc, sự cố phức tạp, nhưng do có sự chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự cố gắng tích cực, chủ động trong điều hành ứng phó của Lãnh đạo và các Thành viên Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai và sự phối hợp thực hiện nghiêm túc của các Bộ, ngành địa phương, các cơ quan, đơn vị, nhất là vai trò của lực lượng cứu hộ, cứu nạn trong đó lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ là nòng cốt, cùng với sự vào cuộc với trách nhiệm rất cao của người dân nên đã giảm thiểu rất lớn thiệt hại về người, tài sản của nhà nước và nhân dân.

2. Một số tồn tại, hạn chế, khó khăn, thách thức cần tiếp tục được khắc phục, vượt qua để đảm bảo yêu cầu cao nhất là bảo vệ được tính mạng, tài sản của người dân, cụ thể là: Có nơi dự kiến chưa hết phương án ứng phó trước và sau bão nên dẫn đến bị động, lúng túng việc tổ chức sơ tán nhân dân ở các vùng có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất làm thiệt hại đến tính mạng, tài sản của nhân dân còn lớn; công tác chỉ đạo, ứng phó sự cố thiên tai, tìm kiếm cứu nạn có lúc, có nơi còn chủ quan, bị động, bất ngờ; công tác giáo dục, tuyên truyền về ứng phó sự cố, thiên tai trong thời gian qua tuy đã được quan tâm, chú trọng hơn, song nhận thức tại một số nơi và người dân chưa đầy đủ, vẫn còn biểu hiện chủ quan, đơn giản; thiệt hại do thiên tai còn lớn, nhất là thiệt hại về tính mạng của người dân khi xảy ra mưa lũ, lũ quét, sạt lở đất do thiếu quyết liệt, chủ quan không sơ tán người dân ra khỏi vùng nguy hiểm thiên tai; công tác phối hợp giữa các lực lượng, các địa phương có lúc chưa chặt chẽ, thiếu hiệu quả; công tác dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đã có nhiều cố gắng nhưng chưa theo kịp diễn biến thiên tai ngày càng phức tạp; việc kiểm tra, quản lý tàu thuyền của ngư dân hoạt động trên

biển chưa được chặt chẽ, chưa phát huy hết sức mạnh của các tổ đội, tàu thuyền hoạt động trên biển trong công tác cứu hộ, tìm kiếm cứu nạn; việc sắp xếp nơi neo đậu tàu thuyền còn bất cập, kêu gọi tàu thuyền vào tránh trú bão chưa được triệt để, còn một số phương tiện nằm trong vùng ảnh hưởng của bão dẫn đến sự cố chìm tàu; công tác bảo đảm an toàn cho vùng hạ du các hồ, đập thủy lợi, thủy điện chưa được quan tâm đúng mức, một số hồ, đập còn xảy ra sự cố, đe dọa đến tính mạng và tài sản của Nhà nước và người dân; công tác dự phòng trang bị, phương tiện, vật tư, nhu yếu phẩm chưa đáp ứng được yêu cầu “4 tại chỗ” tại một số địa bàn nằm trong vùng có nguy cơ cao chịu ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ chưa được coi trọng đúng mức, đặc biệt khi có nhiều tình huống xảy ra trong cùng một thời điểm; ngân sách bảo đảm mua sắm phương tiện, trang bị chuyên dùng phục vụ công tác ứng phó sự cố, tìm kiếm cứu nạn còn hạn hẹp; duy trì chế độ ứng trực, theo dõi nắm tình hình và thực hiện chế độ báo cáo vụ việc, sự cố theo phân cấp của Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp cơ sở có lúc chưa kịp thời, thiếu chính xác khó khăn cho công tác chỉ đạo điều hành, ứng phó và khắc phục hậu quả; công tác phối hợp, tuyên truyền cho nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ, phòng cháy rừng còn hạn chế, vẫn xảy ra một số vụ cháy rừng do người dân đốt nương, làm rẫy làm thiệt hại nghiêm trọng về tài nguyên rừng và tính mạng của người dân; việc cung cấp và báo cáo thông tin cứu nạn còn chậm; tổ chức lực lượng cứu nạn khi có tình huống sự cố, thiên tai, cháy nổ xảy ra chưa kịp thời dẫn đến cơ hội cứu sống người chưa cao.

3. Để chủ động, hoàn thành tốt nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong năm 2020, các Bộ, ngành, địa phương cần tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm sau đây để chủ động, không bị bất ngờ khi có sự cố, thiên tai và tìm

kiểm cứu nạn:

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ nhằm nâng cao hiệu quả công tác ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; tổ chức, thực hiện nghiêm Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai.

- Rà soát, bổ sung hoàn thiện các tình huống, kế hoạch ứng phó về phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; phòng chống cháy nổ, cháy rừng, cứu sập; phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão không để bị động, bất ngờ sẵn sàng ứng có hiệu quả các tình huống; rà soát, đánh giá chất lượng các công trình dân dụng, công nghiệp, dịch vụ bảo đảm an toàn kết cấu, phòng cháy chữa cháy, môi trường.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến kiến thức nâng cao kỹ năng ứng phó bão, lũ, lũ quét, lũ ống, sạt lở đất, đá, phòng chống đuối nước... vv đến mọi người dân nhằm nâng cao khả năng tự phòng, tránh.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống sự cố, thiên tai, thảm họa và cứu hộ, cứu nạn; tăng cường hợp tác quốc tế và học tập kinh nghiệm của các nước trong thực hiện nhiệm vụ dự báo, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống sự cố, thiên tai, thảm họa và cứu hộ, cứu nạn; chủ động trao đổi thông tin và phối hợp chặt với các nước để ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống sự cố, thiên tai, thảm họa và cứu hộ, cứu nạn xảy ra trên các vùng biển quốc tế cũng như trên lãnh thổ Việt Nam.

- Kiện toàn cơ quan chỉ đạo, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, xây dựng quy chế hoạt động, phân công rõ trách nhiệm của từng thành viên để nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan chỉ đạo, chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp.

- Bộ Quốc phòng: Tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị nhất là cơ quan quân sự địa phương làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện theo phương châm: “4 tại chỗ”, sẵn sàng ứng phó, xử lý, khắc phục các tình huống thiên tai, sự cố và tìm kiếm cứu nạn xảy ra; phối hợp với các bộ, ngành liên quan tập trung nâng cao năng lực cho lực lượng làm nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn chuyên trách, kiêm nhiệm nhất là đối với các đơn vị làm nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn trên biển, sự cố hóa chất độc xạ, sinh học; xây dựng Chiến lược Quốc gia về phòng thủ dân sự và Kế hoạch phòng thủ dân sự Quốc gia; xây dựng Chương trình nghiên cứu ứng dụng và huy động nguồn lực khoa học công nghệ vào lĩnh vực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong lĩnh vực động đất, sóng thần.

- Bộ Công an: Tổ chức thực hiện tốt Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy; tổ chức các lớp tập huấn nâng cao kỹ năng phòng cháy, chữa cháy cho người dân; sẵn sàng ứng phó có hiệu quả khi xảy ra cháy ở các khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, nâng cao hiệu quả ứng cứu kịp thời người dân trong các vụ cháy; chỉ đạo công an các địa phương tham mưu cho chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức cảnh giác, chủ động trong công tác phối hợp tìm kiếm cứu nạn, phòng chống thiên tai, bão, lũ lụt, sự cố vỡ đê, hồ đập; động đất, sóng thần và sự cố cháy rừng và tham gia tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn; có phương án bảo vệ, đảm bảo an toàn về người và tài sản của nhân dân và đảm bảo an ninh trật tự nơi xảy ra sự cố, thiên tai, khu vực sơ tán của người dân.

- Bộ Xây dựng: Tập trung chỉ đạo công tác kiểm tra rà soát tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy hoạch thoát nước trong điều kiện tác động của

biến đổi khí hậu, khắc phục tình trạng ngập úng tại các đô thị khi mưa lớn; chỉ đạo đơn vị chức năng phối hợp với các địa phương trên địa bàn đứng chân chuẩn bị lực lượng, vật tư, phương tiện sẵn sàng tham gia ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; quy hoạch, bố trí lại các khu dân cư ở vùng lũ ống, lũ quét, sạt lở đất ra nơi an toàn.

- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn, Giao thông vận tải, Công Thương kết nối, chia sẻ dữ liệu phần mềm ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn về Văn phòng Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để phối hợp, theo dõi chỉ đạo.

Xem toàn văn tại
(www.chinhphu.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định quy định về bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2024

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, UBND thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND quy định về bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2024.

Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định về Bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

- Bảng giá đất này được sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp sau đây:

+ Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích trong hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân;

+ Tính thuế sử dụng đất;

+ Tính phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai;

+ Tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

+ Tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

+ Tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây

thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai;

+ Tính giá trị quyền sử dụng đất để trả cho người tự nguyện trả lại đất cho Nhà nước đối với trường hợp đất trả lại là đất Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất, đất thuê trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

+ Bảng giá đất này là căn cứ để xác định giá cụ thể theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất.

+ Tính tiền thuê đất trong Khu công nghệ cao quy định tại Điều 12 Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao.

Bảng giá các loại đất

Đối với đất nông nghiệp

1. Phân khu vực và vị trí đất

a) Khu vực: đất nông nghiệp được phân thành ba (03) khu vực:

- Khu vực I: thuộc địa bàn các quận;

- Khu vực II: thuộc địa bàn các huyện Hóc

Môn, huyện Bình Chánh, huyện Nhà Bè, huyện Củ Chi;

- Khu vực III: địa bàn huyện Cần Giờ.

2. Bảng giá các loại đất nông nghiệp

Bảng giá đất trồng cây hàng năm gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác (Bảng 1): Đơn vị tính: đồng/m²

Vị trí	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Vị trí 1	250.000	200.000	160.000
Vị trí 2	200.000	160.000	128.000
Vị trí 3	160.000	128.000	102.4000

Bảng giá đất rừng sản xuất (Bảng 2): Đơn vị tính: đồng/m²

Vị trí	Đơn giá
Vị trí 1	190.000
Vị trí 2	152.000
Vị trí 3	121.600

Đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư, trong địa giới hành chính phường được tính bằng 150% đất nông nghiệp cùng khu vực của cùng loại đất.

Đối với đất phi nông nghiệp

1. Phân loại đô thị

- Đối với 19 quận trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thì áp dụng khung giá đất của đô thị đặc biệt theo quy định của Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất.

- Đối với thị trấn của 05 huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thì áp dụng theo khung giá đất của đô thị loại V.

- Đối với các xã thuộc 05 huyện áp dụng theo khung giá đất của xã đồng bằng.

2. Phân loại vị trí

- Vị trí 1: đất có vị trí mặt tiền đường áp dụng đối với các thửa đất, khu đất có ít nhất một mặt giáp với đường được quy định trong Bảng giá đất.

- Các vị trí tiếp theo không tiếp giáp mặt tiền đường bao gồm:

+ Vị trí 2: áp dụng đối với các thửa đất, khu đất có ít nhất một mặt tiếp giáp với hẻm có độ rộng từ 5m trở lên thì tính bằng 0,5 của vị trí 1.

+ Vị trí 3: áp dụng đối với các thửa đất, khu đất có ít nhất một mặt tiếp giáp với hẻm có độ rộng từ 3m đến dưới 5m thì tính bằng 0,8 của vị trí 2.

+ Vị trí 4: áp dụng đối với các thửa đất, khu đất có những vị trí còn lại tính bằng 0,8 của vị trí 3.

Trường hợp các vị trí nêu trên có độ sâu tính từ mép trong lề đường của mặt tiền đường (theo bản đồ địa chính) từ 100m trở lên thì giá đất tính giảm 10% của từng vị trí. Khi áp dụng quy định trên thì giá đất thuộc đô thị đặc biệt tại vị trí không mặt tiền đường không được thấp hơn mức giá tối thiểu trong khung giá đất của Chính phủ, tương ứng với từng loại đất.

3. Bảng giá các loại đất phi nông nghiệp.**a) Đất thương mại, dịch vụ:**

- Giá đất: tính bằng 80% giá đất ở liền kề
- Giá đất không được thấp hơn giá đất trồng cây lâu năm trong khu dân cư cùng khu vực.

b) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ; Đất sử dụng vào các mục đích công cộng có mục đích kinh doanh; Đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất công trình sự nghiệp:

- Giá đất: tính bằng 60% giá đất ở liền kề
- Giá đất không được thấp hơn giá đất trồng cây lâu năm trong khu dân cư cùng khu vực.

c) Đất nghĩa trang, nghĩa địa (tập trung): tính bằng 60% giá đất ở liền kề.

d) Đất giáo dục, y tế: tính bằng 60% giá đất ở liền kề.

e) Đất tôn giáo: tính bằng 60% giá đất ở liền.

f) Đối với đất trong Khu Công nghệ cao: tính theo mặt bằng giá đất ở, sau đó quy định bằng giá các loại đất trong Khu Công nghệ cao như sau:

+ Đất với đất thương mại, dịch vụ: tính bằng 80% giá đất ở.

+ Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ: tính bằng 60% giá đất ở.

Các loại đất phi nông nghiệp còn lại: căn cứ vào phương pháp định giá, so sánh các loại đất liền kề để quy định mức giá đất.

Đối với các loại đất khác**1. Các loại đất nông nghiệp khác**

- Giá đất nông nghiệp khác được tính bằng giá của loại đất nông nghiệp liền kề. Trường hợp không có giá của loại đất nông nghiệp liền kề thì tính bằng giá của loại đất nông nghiệp trước khi chuyển sang loại đất nông nghiệp khác.

2. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản:

- Sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản: tính bằng 100 % giá đất nuôi trồng thủy sản.

- Sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp: tính bằng 50% giá loại đất phi nông nghiệp liền kề cùng loại đất.

- Sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp kết hợp nuôi trồng thủy sản: giá đất được xác định trên diện tích từng loại đất cụ thể. Trường hợp không xác định được diện tích từng loại thì tính theo loại đất sử dụng chính.

3. Đối với đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: Tính bằng 80% giá đất rừng sản xuất.

4. Đối với đất chưa sử dụng, khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất để đưa vào sử dụng thì căn cứ phương pháp định giá đất và giá của loại đất cùng mục đích sử dụng đã được giao đất, cho thuê đất tại khu vực lân cận để xác định mức giá.

Về thời hạn sử dụng đất đối với các loại đất sử dụng có thời hạn

Quy định về thời hạn sử dụng đất đối với các loại đất thương mại, dịch vụ; Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ là 50 năm, trường hợp đối với dự án có quy định thời hạn sử dụng đất trên 50 năm thì số năm vượt quy định (50 năm) được tính theo quy tắc tam xuất, nhưng không vượt quá giá đất ở tại cùng vị trí.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2020.

**Xem toàn văn tại
(www.hochiminh.gov.vn)**

UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quyết định quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh

Ngày 04 tháng 02 năm 2020, UBND tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020.

1. Hệ số điều chỉnh giá đất

- Đất ở: Hệ số điều chỉnh bằng 1 lần.
- Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Hệ số điều chỉnh bằng 1 lần.
- Đất thương mại, dịch vụ: Hệ số điều chỉnh bằng 1 lần.

Các hệ số điều chỉnh trên tương ứng với giá các loại đất ghi trong Bảng giá đất cùng loại tại Quyết định số 31/2019/QĐ/UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024.

2. Phạm vi áp dụng

Hệ số điều chỉnh giá đất nêu trên được áp dụng để xác định giá đất cụ thể áp dụng đối với các trường hợp quy định theo Luật Đất đai năm 2013 và quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Cụ thể:

- Đối với thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) dưới 20 tỷ đồng đối với các trường hợp:

- + Xác định đơn giá làm cơ sở tính tiền sử

dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích đất ở vượt hạn mức;

+ Xác định đơn giá làm cơ sở tính tiền sử dụng đất trong trường hợp có sự thay đổi về diện tích đất giữa diện tích quy hoạch và diện tích thực tế được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các dự án giao đất ở, đấu giá quyền sử dụng đất ở;

+ Xác định đơn giá thuê đất đối với đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất, vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân;

+ Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với trường hợp thuê đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản;

+ Tính tiền thuê đất đối với trường hợp doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;

+ Người mua tài sản được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án; người nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất.

- Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho chu kỳ ổn định tiếp theo đối với thửa đất hoặc khu đất được Nhà nước cho thuê đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) từ 20 tỷ đồng trở lên;

- Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm (không bao gồm trường hợp thuê đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản);

- Xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.

3. Đối với việc xác định hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị dưới 20 tỷ đồng (tính theo giá đất trong Bảng giá đất), UBND tỉnh quyết định đối với từng dự án cụ thể, đảm bảo không thấp hơn hệ số điều chỉnh giá đất nêu trên trong các trường hợp sau:

- Tổ chức được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

- Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

- Trường hợp cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân;

- Xác định đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê không thông qua hình thức đấu giá;

- Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập

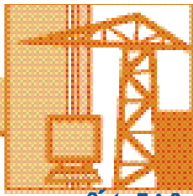
tự chủ tài chính, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, được chuyển sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê và phải xác định lại giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất tại thời điểm có quyết định cho phép chuyển sang thuê đất theo hình thức trả tiền thuê đất một lần, cho cả thời gian thuê theo quy định của Luật Đất đai năm 2013;

- Tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp cổ phần sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê;

- Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2020.

Xem toàn văn tại (www.bacninh.gov.vn)



Bê tông cốt liệu tái chế ứng dụng phương pháp đổ hai giai đoạn cốt liệu sắp trước

“Hiện nay ở nước ta, chỉ một phần nhỏ chất thải xây dựng được sử dụng để san nền cho các công trình xây dựng, số còn lại hầu như không được xử lý và thường xuyên thải bỏ như các loại rác thải sinh hoạt khác. Việc thải bỏ rác thải xây dựng như vậy một mặt chiếm nhiều không gian, mặt khác đang gây sức ép lớn tới môi trường. Để giải quyết vấn đề này, việc nghiên cứu công nghệ sản xuất bê tông tái chế là một bước đi đúng đắn và đầy triển vọng trong bối cảnh phát triển nhanh chóng các hoạt động xây dựng ở nước ta” - Theo Báo cáo của nhóm tác giả Nguyễn Khánh Sơn, Nguyễn Ngọc Tri Huỳnh, Trần Anh Tú (Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh).

Báo cáo khoa học này trích dẫn kinh nghiệm đã được áp dụng một cách hiệu quả ở nhiều quốc gia phát triển như Mỹ, Singapore, Pháp, Đức... cho thấy cốt liệu bê tông tái chế có giá trị sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau như làm đường giao thông, bãi đậu xe, thậm chí là xây dựng các tòa nhà mới. Việc tái chế bê tông sẽ tạo ra vòng đời mới cho cốt liệu đòi hỏi chế biến rất ít nên góp phần gìn giữ tài nguyên và cảnh quan môi trường, giảm thiểu các hoạt động liên quan đến việc khai thác và vận chuyển nguyên liệu tự nhiên. Quy trình sản xuất bao gồm các bước gia công nghiền, sàng phân loại theo kích cỡ yêu cầu cho ứng dụng cốt liệu trong bê tông. Trong đó một số đặc trưng đáng lưu ý của loại cốt liệu bê tông tái chế so với cốt liệu đá vôi đó là các yếu tố không đồng nhất về mặt thành phần, cấu trúc các pha, sự khác biệt về tính chất cơ lý nói chung trong thành phần. Những ảnh hưởng lên tính chất bê tông bao gồm độ dẻo do hút nước, tách nước phân tầng do bề mặt dạng hạt và tính kém bền nước, độ bền nói chung của cốt liệu không phải nguồn gốc đá tự nhiên.

Nguyên liệu và thực nghiệm

Vữa rót dùng cho bê tông đổ hai giai đoạn

Nguyên liệu: Các nguyên liệu được nhóm nghiên cứu dùng để trộn vữa rót bao gồm: Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCBSR40 VICEM Hà Tiên 1, cát sông phối trộn cát nghiền (tỷ lệ 35/65), nước ngọt và phụ gia hóa học siêu dẻo. Vữa rót đóng vai trò liên kết các thành phần hạt cốt liệu. Do đó, có thể nói tính chất của bê tông thành phẩm được quyết định bởi chất lượng vữa rót. Vữa có tính chất chảy tốt, có độ linh động cao giúp điền đầy hiệu quả lỗ hổng giữa thành phần cốt liệu sắp trước, giúp giảm thiểu tối đa lượng thể tích rỗng bên trong cấu trúc bê tông đóng rắn. Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCBSR40 VICEM Hà Tiên 1 là sản phẩm thương mại, đáp ứng đầy đủ yêu cầu tiêu chuẩn TCVN 7711:2007 đối với xi măng bền sun phát. Thành phần chủ yếu là Clinker xi măng pooc lăng và phụ gia khoáng hoạt tính xỉ lò cao thay thế thành phần clinker 40%kg. Lý do lựa chọn xi măng bền sun phát để sử dụng trong nghiên cứu nhằm hướng đến khả năng mở rộng nghiên cứu theo hướng đúc các loại cấu kiện dẹt, bề mặt tiếp xúc môi trường xâm thực. Cát sông Đồng Nai có kích thước hạt tương đối nhỏ được phối trộn với cát nghiền để sử dụng làm thành phần cốt liệu mịn trong phối trộn vữa rót. Một số thông số chỉ tiêu chất lượng của cát phối như sau: Tỷ trọng khô 2,61; độ hút nước 1%; modul độ lớn 2,1. Phụ gia hóa học ADVA Flow A được sử dụng như một thành phần điều chỉnh độ dẻo của vữa. Liều dùng thích hợp phụ gia với lợi xi măng bền sun phát PCBSR40 VICEM Hà Tiên 1 qua thí nghiệm vào khoảng 0,8%kg xi măng.

Cấp phối vữa rót

Các thông số cần khảo sát liên quan đến thành phần vữa bao gồm: Tỷ lệ nước/xi măng, tỷ lệ cát/xi măng và hàm lượng phụ gia siêu dẻo. Theo gợi ý về cấp phối thành phần cấp phối vữa rót theo báo cáo ACI 304:1991.

Cốt liệu bê tông tái chế và đổ bê tông

Quá trình chuẩn bị cốt liệu bê tông tái chế được tiến hành tại phòng thí nghiệm trạm trộn công ty bê tông Việt Hàn (TP. Hồ Chí Minh). Trong đó, thành phần cốt liệu bê tông tái chế chính là các mẫu bê tông thí nghiệm được nén vỡ. Hai loại kích thước hạt cốt liệu bê tông tái chế bao gồm 20 - 50mm để đổ mẫu trụ 150x300mm và 70 - 90mm dùng cho khối mẫu đúc hiện trường 1.000x330x330mm. Do đặc điểm nguồn gốc cũng như thành phần không có tính đồng nhất nên việc đánh giá các chỉ tiêu tính chất cơ lý của cốt liệu không có tính đại diện.

Sau khi được gia công đập, các hạt cốt liệu bê tông tái chế được sàng loại bỏ các mảnh bé sau đó sắp vào khuôn hình trụ 150x300mm để chuẩn bị đúc mẫu thử cường độ chịu nén. Tương tự như vậy, đối với khối đổ 1.000x330x330mm ngoài hiện trường, nhóm tác giả cũng tiến hành các bước gia công đập cốt liệu, sàng loại bỏ các mảnh vụn và sắp vào khuôn gỗ đã được đóng trước đó.

Việc đổ vữa rót vào khuôn đúc mẫu bê tông thông qua ống nhựa phi 21mm được cắm thẳng đứng xuống đáy khuôn. Khi vữa được rót từ từ vào ống nhựa thì hai thao tác được tiến hành đồng thời bao gồm: Dùng búa nhựa gõ vào thành khuôn để loại bớt các bọt khí và từ từ kéo ống nhựa lên theo phương thẳng đứng. Sau khi đổ xong phần vữa cuối cùng được sử dụng để đổ trên mặt mẫu, để làm bằng bề mặt. Sau đó mẫu được giữ yên như đến khi đóng rắn mà không cần trải qua thao tác rung lên như trường hợp đổ bê tông thường.

Kết quả

Kết quả mẫu đúc trụ bê tông phi 150x300mm

Trước tiên, thông qua quan sát, nhóm tác giả nhận thấy bề mặt mẫu trụ sau khi tháo khuôn không bị phân tầng, rỗ mặt hay bị khuyết tật lớn. Các cốt liệu sắp trước sát ở phần thành khuôn cũng không có hiện tượng trôi ra ngoài mặt thân trụ bê tông. Một số khuyết tật nhỏ đáng lưu ý là hàm lượng các bọt khí nằm rải rác. Đây có thể là bọt khí trong phần vữa tiếp xúc với thành khuôn kim loại. Điều này chứng tỏ quá trình sử dụng búa gõ lên thành cũng chưa hoàn toàn giúp đẩy các bọt khí lên trên.

Thành phần cốt liệu có kích thước khá lớn, phân bố ở viền xung quanh lõi, phần lõi chủ yếu tập trung vữa xi măng. Nguyên nhân có thể do vị trí lõi chính là nơi bố trí ống nhựa dẫn vữa rót. Quan sát trong thành phần cốt liệu có thể nhận thấy sự kết hợp của thành phần hạt đá và vữa xi măng cũ do đây là các cốt liệu bê tông tái chế. Giữa các hạt cốt liệu bê tông tái chế là pha vữa rót đã đóng rắn giúp tạo liên kết giữa chúng. Màu sắc của hai loại vữa xi măng cũ và vữa rót mới cũng có sự phân biệt rõ ràng. Ảnh phóng đại cho thấy sự tiếp xúc giữa pha vữa và bề mặt cốt liệu bê tông tái chế là rất tốt. Bên trong thành phần pha vữa rót có thể thấy các hạt đá mi là thành phần phối với cát sông.

Đối với kết quả thí nghiệm nén vỡ mẫu nhằm xác định cường độ chịu nén ở 7 - 14 - 28 - 90 ngày tuổi (thiết bị máy nén 200 tấn TYA2000 - LUDA, tốc độ gia tải 4daN/cm²/s), nhóm nghiên cứu nhận thấy sự khác biệt giữa các tổ mẫu nhưng giá trị độ lệch có thể chấp nhận được. Nguyên nhân là do liên quan đến yếu tố chất lượng cốt liệu. Cốt liệu bê tông tái chế không có tính đồng nhất thành phần và tính chất giống như cốt liệu tự nhiên. Đồng thời, việc sắp trước cốt liệu trong khuôn nên tỷ lệ cốt liệu/vữa cũng có sự khác biệt giữa các mẫu đổ, làm ảnh hưởng đến

tính chất chung. Quá trình đóng rắn của vữa cũng kéo theo quá trình phát triển cường độ liên tục của mẫu bê tông. Tuy nhiên, sự chênh lệch cường độ sau 7 - 28 ngày là không lớn, xấp xỉ 23%. Cường độ trung bình sau 28 ngày đạt khoảng 38 MPa và cường độ thấp nhất đạt 34,3 MPa trên mẫu nén hình trụ. Do đó tương đương với với cường độ mẫu hình lập phương xấp xỉ 41MPa, tương đương với mác bê tông 400. Một điều đặc biệt là khi khảo sát kết quả cường độ chịu nén sau 90 ngày cho thấy có quá trình tiếp tục phát triển cường độ rất cao, 150% so với mẫu 28 ngày tuổi. Điều này một lần nữa có thể lý giải do nguyên nhân phát triển cường độ ở thời gian dài ngày của xi lò cao trong xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phat, đồng thời đặc điểm cốt liệu bê tông tái chế cũng có biểu hiện rắn chắc theo thời gian. Kết hợp hai yếu tố này làm cho cường độ trung bình của mẫu bê tông tăng cao. Quan sát mẫu nén sau khi bị nén vỡ có thể nhận thấy các nứt vỡ dọc thân trụ chủ yếu cắt qua pha cốt liệu bê tông tái chế là pha chịu lực kém hơn trong hai thành phần.

Kết quả mẫu đúc khối bê tông 1.000x330x330mm

Đối với trường hợp khối bê tông 1000x330x330mm, có thể dễ dàng quan sát phần mặt ngoài mẫu sát với ván thành là lớp đá xi măng do vữa rót đóng rắn. Tương tự như đối với mẫu trụ, các khuyết tật do cốt liệu sắp trước cũng không nổi bật, chủ yếu là ở các mảng sáng màu hơn, không thấy hiện tượng rỗ mặt hay phân tầng chứng tỏ vữa rót đã chảy tốt và điền đầy. Khuyết tật rõ nhất trên bề mặt chỉ là các bọt khí và một số vị trí nứt dọc theo chiều cao 0,33m của khối đổ. Các bọt khí còn lại chủ yếu là do thao tác gõ lên ván thành chưa đủ để giúp các bọt khí di chuyển trong lòng khối bê tông lên trên bề mặt. Đây cũng là một đặc điểm khác biệt trong quá trình đúc mẫu bê tông đổ hai giai

đoạn với cốt liệu sắp trước so với cách đổ truyền thống, cốt pha đóng phải đảm bảo đủ chắc chắn để thực hiện thao tác rung thành nhằm loại bỏ bọt khí. Các vết nứt chủ yếu do quá trình xi măng đóng rắn tỏa nhiệt lớn do lượng dùng xi măng trong vữa rót là khá lớn, cũng như bề mặt không phẳng của cốt pha thành đóng bằng gỗ.

Sau bảo dưỡng phủ ẩm 28 ngày, nhóm nghiên cứu tiến hành khoan rút lõi tại 6 vị trí, với đường kính lỗ khoan là 100mm, chiều sâu 150 - 200mm và nhận thấy cốt liệu bê tông tái chế nổi bật với màu sắc sáng hơn với thành phần bên trong bao gồm vữa và các hạt đá. Kích thước của cốt liệu khá lớn và mật độ cốt liệu trên đá, xi măng cũng khá lớn. Đối với pha vữa rót đóng rắn, các cốt liệu đá dăm và cấu trúc đặc chắc, các khuyết tật không thấy rõ ngoài các vết hàn của đầu lưỡi khoan có thể do khoan ướt rút lõi nên đã cắt qua hầu hết các bọt rỗng. Phần liên kết giữa cốt liệu tái chế với pha vữa cũng đồng nhất cao tương tự như trường hợp mẫu trụ ở trên, chứng tỏ vữa đã chảy lên tốt, bao quanh các cốt liệu.

Kết luận và đề nghị

Đối với vữa rót được phối trộn từ thành phần cấp phối nước/xi măng = 0,4; cát/ xi măng = 1,7 và phụ gia ADVA Flow A. Vữa chế tạo có tính chảy tốt nhờ kết hợp cấp phối với tỷ lệ dùng xi măng cao, phụ gia chảy và phương pháp trộn cưỡng bức dùng cánh quay nhanh 450 vòng/phút để đánh tan các cụm hạt xi măng bị tụ lại. Mẫu vữa đóng rắn cho cường độ cao đạt 55,3 - 1,1 MPa ở 28 ngày tuổi.

Đối với mẫu đúc bê tông sử dụng cốt liệu tái chế sắp trước, nhóm tác giả đã gia công đập cốt liệu và phân 2 loại kích thước 20 - 50mm và 70 - 90mm cho mẫu bê tông nhỏ hoặc dạng khối. Đây là ưu điểm của phương pháp sắp trước vì không có yếu tố phân tầng, tách lớp khi đổ bê tông. Kết quả mẫu bê tông đóng rắn cho cường

độ chịu nén đạt mức 400, đồng thời biểu hiện phát triển cường độ chậm, kéo dài do sử dụng xi măng xỉ lò cao. Cường độ chịu nén ở 90 ngày tuổi đạt 150% cường độ ở 28 ngày và có tính dai diện tốt giữa các mẫu mặc dù thành phần cốt liệu bê tông tái chế có tính đồng nhất kém về thành phần và tính chất.

Nhóm nghiên cứu đưa ra kiến nghị mở rộng thí nghiệm đúc các mẫu bê tông khối lớn không

cốt thép sử dụng phương pháp này, ứng dụng đối với các cấu kiện dạng khối có thể sử dụng trong các công trình đê, kè hay làm vỉa hè, qua đó góp phần tái chế và sử dụng hiệu quả rác thải xà bần, mảnh bê tông vỡ trong các công trình xây dựng cũ.

Trần Đình Hà

Ảnh hưởng của thạch cao và xi măng alumin đến chất kết dính trên cơ sở xi măng pooc lăng sử dụng trong bê tông bọt không chưng áp

Theo Báo cáo khoa học của nhóm tác giả Tăng Văn Lâm và Vũ Kim Diễm (Đại học Mở - Địa chất) tại Hội nghị khoa học trẻ 2019, do Viện KHCN xây dựng tổ chức, tồn tại lớn nhất của sản phẩm từ bê tông khí và bê tông bọt không chưng áp là hiện tượng khối xây từ sản phẩm này bị thấm và nứt khi sử dụng. Hiện tượng này xảy ra bắt nguồn từ sự biến đổi thể tích của sản phẩm sau khi chế tạo. Theo nhiều nghiên cứu, đối với bê tông bọt không chưng áp, cũng như đối với các sản phẩm có chứa xi măng thì hiện tượng co, giảm thể tích của sản phẩm là một vấn đề rất nguy hiểm, gây ra hiện tượng thay đổi hình dạng sản phẩm sau khi tạo hình, đồng thời sự co trong bê tông bọt không chưng áp là hỗn hợp của các hiện tượng vật lý gồm: Co thủy hóa, co cacbonat hóa và co khô.

Về co thủy hóa: Khi hòa 100g xi măng vào bình thí nghiệm có nước, sau khi xi măng đông kết và đóng rắn, thể tích của đá xi măng thấp hơn thể tích của hồ xi măng khoảng 3-5ml. Hiện tượng này được gọi là co thủy hóa. Để giảm thiểu hiện tượng co thủy hóa, chỉ có cách sử dụng tối thiểu hàm lượng xi măng tới mức có thể.

Về co cacbonat: Hiện tượng có thể tích do quá trình cacbonat hóa bắt đầu ngay từ khi chế

tạo bê tông bọt và tiếp tục trong suốt thời gian sử dụng sản phẩm. Nhiều nghiên cứu đã nêu ra bản chất của hiện tượng này là hàm lượng $\text{Ca}(\text{OH})_2$ được hình thành trong kết quả thủy hóa xi măng pooc lăng tham gia vào phản ứng với khí CO_2 trong không khí để tạo thành CaCO_3 và hậu quả là tổng thể tích và cường độ của sản phẩm từ bê tông bọt giảm.

Về co khô: Bê tông bọt khí không chứa cốt liệu thô và tùy theo yêu cầu về khối lượng thể tích mà chứa một lượng thể tích lớn các bọt khí. Mặt khác, trong không khí, hỗn hợp bê tông bọt sau khi nhào trộn và tạo hình bị khô nhanh hơn do độ rộng lớn và không có cốt liệu, làm giảm dần thể tích, kết quả là kích thước của chúng bị thu lại. Hiện tượng này gọi là co khô. Biện pháp để xử lý hiện tượng co khô là làm chậm quá trình khô bề mặt sản phẩm và tăng tốc độ đóng rắn trong khối bê tông bọt. Ngoài ra, lớp trát hoàn thiện, trang trí hoặc các lớp sơn chống thấm cũng có tác dụng giảm co khô.

Như vậy, có thể nhận định rằng, hiện tượng giảm thể tích sản phẩm bê tông bọt và bê tông khí chưng áp là một vấn đề rất cần nghiên cứu.

Vật liệu sử dụng và phương pháp nghiên cứu

Vật liệu sử dụng

Cốt liệu sử dụng trong hỗn hợp vữa là cát thạch anh tiêu chuẩn của Cty Evrostroykomplekt (Nga), được làm từ thạch anh tự nhiên, gồm các hạt tròn cạnh với hàm lượng silic dioxyt trên 98%; chất kết dính được sử dụng bao gồm xi măng pooc lăng SEM I 42,5 N của nhà máy Nevyansk cement, xi măng alumin GZ-40 của nhà máy Cascade-Trade và thạch cao xây dựng loại G-10 của nhà máy Novgorod Fiberglass Plan. Thạch cao xây dựng được nghiền mịn bổ sung 30 phút trong máy nghiền bị tại phòng thí nghiệm; nước sạch được sử dụng để nhào trộn hỗn hợp vữa trong nghiên cứu này và bảo dưỡng mẫu thí nghiệm sau khi đúc.

Cường độ của hỗn hợp vữa thí nghiệm gồm chất kết dính, các tiêu chuẩn và nước được tiến hành xác định theo trình tự quy định trong tiêu chuẩn GOST 30744-2001. Nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp phân tích thành phần hạt theo phương pháp laser trên máy nhiễu xạ Coulter LS Particle Size Analyzer để đánh giá phân bố thành phần hạt xi măng pooc lăng, xi măng alumin và thạch cao xây dựng. Theo đó, việc nghiền bổ sung thạch cao xây dựng 30 phút trong máy nghiền bị tại phòng thí nghiệm đã làm tăng đáng kể độ mịn của thạch cao, tỷ lệ bề mặt riêng trên $9.000 \text{ cm}^2/\text{g}$. Do đó, thành phần canxi sunphat trong thạch cao không những phân tán tốt hơn trong hỗn hợp chất kết dính mà còn tạo điều kiện để hình thành các khoáng hydro-sunfo-aluminat canxi ở các tuổi sớm.

Phương pháp nghiên cứu

Phân tích thành phần hạt của hỗn hợp nguyên liệu gồm xi măng pooc lăng, xi măng alumin và thạch cao xây dựng được xác định bằng phương pháp lazer trên máy nhiễu xạ Coulter LS Particle Size Analyzer. Tính chất cơ lý của thạch cao xây dựng được xác định theo tiêu chuẩn GOST 23789 - 2018. Tính chất cơ lý của xi măng pooc lăng và xi măng alumin được xác định theo tiêu chuẩn GOST 30744-2001.

Độ nở thể tích của chất kết dính trong phương pháp này được xác định theo phương pháp Le Chatelie dựa trên tiêu chuẩn GOST 30744-2001. Áp dụng phương pháp bề mặt tam giác đều để nghiên cứu ảnh hưởng của 3 yếu tố đến hàm mục tiêu của mô hình thực nghiệm.

Kết quả nghiên cứu

Trong thí nghiệm này, nhóm tác giả nghiên cứu ảnh hưởng của 3 yếu tố là hàm lượng xi măng pooc lăng, xi măng alumin và thạch cao xây dựng đến độ nở thể tích và cường độ nén của hỗn hợp vữa chất kết dính bằng cách áp dụng phương pháp bề mặt tam giác đều.

Hàm mục tiêu trong thí nghiệm này gồm có: Độ nở thể tích của hỗn hợp chất kết dính được xác định theo phương pháp Le Chatelier; cường độ nén của hỗn hợp vữa chất kết dính với cát tiêu chuẩn trên mẫu thí nghiệm có hình lăng trụ kích thước $40 \times 40 \times 160 \text{ mm}$.

Các yếu tố ảnh hưởng đến hàm mục tiêu bao gồm: Hàm lượng xi măng pooc lăng SEM I 42,5 N, dao động từ 0-100%; hàm lượng xi măng alumin GZ-40 dao động trong khoảng từ 0 - 100%; hàm lượng thạch cao xây dựng G-10 dao động trong khoảng từ 0-100%.

Kết quả nghiên cứu cho thấy: Khi hàm lượng thạch cao trong hỗn hợp chất kết dính tăng từ 0% đến 100% thì cường độ nén của mẫu thí nghiệm thu được giảm đáng kể. Điều này được lý giải do thạch cao xây dựng G-10 đã sử dụng có cường độ nén thấp hơn so với xi măng pooc lăng SEM I 42,5 N và xi măng alumin GZ-40; độ nở thể tích trung bình của hồ chất kết dính được xác định theo phương pháp Le Chatelier, ảnh hưởng nhiều đến tổ hợp hàm lượng xi măng alumin và thạch cao xây dựng.

Kết luận và kiến nghị

Trên cơ sở nguồn vật liệu sử dụng và điều kiện thí nghiệm đã thực hiện, Báo cáo khoa học đưa ra một số kết luận như sau:

Khi hàm lượng thạch cao xây dựng trong hỗn hợp chất kết dính tăng từ 0% đến 100% thì cường độ nén của mẫu vữa thu được giảm dần

nhưng độ nở thể tích trung bình của chất kết dính lại tăng dần. Điều này là do thạch cao xây dựng G-10 đã sử dụng có cường độ thấp so với xi măng pooc lăng SEM I 42,5 N và xi măng alumin GZ-40. Tuy nhiên ở các tuổi sớm, hàm lượng canxi sunphat trong thạch cao xây dựng đã kết hợp với các khoáng canxi aluminat có trong xi măng pooc lăng và xi măng alumin để tạo thành Ettringit - loại khoáng sản bành trướng thể tích, đã tăng thể tích pha rắn lên đến hơn 2 lần. Đó là nguyên nhân làm tăng độ nở thể tích của chất kết dính trong nghiên cứu này.

Sử dụng phương pháp bề mặt tam giác đều cho 3 yếu tố ảnh hưởng và kết hợp với phần mềm Design - Expert Software đã thu được các hình ảnh bề mặt biểu hiện và đường đồng mức. Đồng thời mô tả được ảnh hưởng của hàm lượng xi măng pooc lăng, xi măng alumin và thạch cao xây dựng đến độ nở thể tích của chất

kết dính và cường độ nén của vữa. Từ kết quả mô phỏng đã xác định được giá trị độ nở thể tích lớn nhất của chất kết dính nghiên cứu là 16,725mm tại tỷ lệ xi măng pooc lăng 41,84%, xi măng alumin 29,22% và thạch cao xây dựng 28,94%. Khi đó tính toán ước lượng được cường độ nén ở 28 ngày tuổi của mẫu vữa thu được từ hỗn hợp với tỷ lệ trên là 28,38 MPa.

Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả kiến nghị cần tiếp tục nghiên cứu sử dụng các loại vật liệu sẵn có tại Việt Nam (trong nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng vật liệu từ Nga), kết hợp với thạch cao từ khuôn phế thải của nhà máy gỗ, sứ để chế tạo các loại chất kết dính trên cơ sở xi măng pooc lăng với độ nở thể tích cần thiết dùng trong công nghệ bê tông bọt không chưng áp ở Việt Nam.

Trần Đình Hà

Thực trạng triển khai tái chế và sử dụng tro xỉ ở Việt Nam

Nghiên cứu ban đầu

Trên thế giới, từ lâu người ta đã tuyển tro bay để lấy than tuyển dùng lại, lấy tro tuyển dùng làm VLXD. Như vậy, tro bay nhiệt điện không còn là phế thải. Nó là nguồn nguyên liệu để thu lại than chưa cháy hết và làm nguyên liệu cho nhiều sản phẩm VLXD.

Ở Việt Nam, từ những năm 80 của thế kỷ 20, Công ty Điện lực 1 kết hợp với Bộ môn Tuyển Khoáng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã nghiên cứu và tuyển tro xỉ ở Nhà máy (NM) Nhiệt điện Cao Ngạn (Thái Nguyên) và Nhiệt điện Phả Lại (Hải Dương). Nghiên cứu chỉ tiến hành ở phòng thí nghiệm và quy mô dây chuyền tuyển chỉ gồm 4 ngăn máy thể tích nhỏ (ở Cao Ngạn, Phả Lại và Đức Giang). Khi đó, mục tiêu nghiên cứu chỉ là để thu lại lượng than chưa cháy hết còn lẫn trong tro xỉ. Do đó đã hạn chế khả năng triển khai ứng dụng ở quy mô công nghiệp.

Đầu những năm 90 của thế kỷ 20, Liên hiệp các Xí nghiệp Xi măng triển khai kết quả nghiên cứu của đề tài 26A-07-01 về “Nghiên cứu sử dụng tro xỉ nhiệt điện Phả Lại làm phụ gia sản xuất xi măng”, Công ty Vật tư Vận tải Xi măng đã kết hợp với nhóm kỹ sư tuyển khoáng (Chi hội Tuyển khoáng khóa 7) nghiên cứu thiết kế và xây lắp xưởng tuyển xỉ than của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại có công suất 80.000 tấn/năm (tính theo tro tuyển). Ngày 25/3/1993, 1.200 tấn xỉ tuyển đầu tiên đã được vận chuyển về Nhà máy Xi măng Hoàng Thạch để đưa vào sản xuất. Theo kết quả của đề tài nghiên cứu, Bộ Xây dựng đã quyết định cho phép sử dụng phụ gia tro xỉ Phả Lại vào sản xuất xi măng ở các NM xi măng lò quay: Hoàng Thạch, Bỉm Sơn và Hải Phòng. Tỷ lệ pha trộn không quá 15% với điều kiện phụ gia tro xỉ Phả Lại phải đảm bảo yêu cầu hàm lượng MKN (than chưa cháy) nhỏ hơn 11%.

Từ năm 1997, đáp ứng yêu cầu sử dụng tro tuyển dùng cho sản xuất bê tông khối lớn trong xây dựng các đập thủy lợi, công trình thủy điện và một số công trình xây dựng dân dụng khác, xưởng tuyển này đã cung cấp hàng chục ngàn tấn tro tuyển đạt yêu cầu (có hàm lượng MKN <6%, độ ẩm Wa <3% sử dụng cho các công trình như: đập Bái Thượng (Thanh Hóa), đập Tân Giang (Ninh Thuận), đập Lòng Sông (Bình Thuận)...

Năm 1995 - 1997, Viện Khoa học Vật liệu, Viện KHCN Việt Nam cùng tiến hành nghiên cứu khả năng tái chế và sử dụng tro xỉ NM nhiệt điện Ninh Bình để thu hồi lại than phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất gạch nung, còn tro xỉ làm vật liệu cho đường giao thông và gạch xây dựng. Đã lập dự án đầu tư xây dựng có cơ sở tuyển tro xỉ, nhưng vì khó khăn khách quan nên chưa được thực hiện.

Phát triển xây dựng các nhà máy tuyển tro xỉ

Nhận thức được các ưu điểm vượt trội và hiệu quả kinh tế của công nghệ bê tông đầm lăn sử dụng phụ gia tro xỉ (RCC) trong công tác xây dựng đập thủy điện, ngành Xây dựng Việt Nam đã quyết định áp dụng công nghệ này cho các công trình đập thủy điện, trước tiên là Thủy điện Sơn La. Theo kế hoạch, công trình thủy điện Sơn La có nhu cầu tro tuyển rất lớn, trung bình là 20.000 tấn/tháng. Vì vậy một loạt xí nghiệp tuyển tro xỉ nhiệt điện được xây dựng và đưa vào hoạt động.

Năm 2006, Công ty CP Bắc Sơn và sau đó là Công ty CP Cao Cường thực hiện dự án xây dựng xưởng tuyển tro xỉ Phả Lại tại hồ Bình Giang. Các xưởng này hiện đang hoạt động với công suất 5.000 - 6.000 tấn/tháng (tính theo sản phẩm tro tuyển thành phẩm). Nguồn nguyên liệu của các xưởng này là tro xỉ thải của các NM Nhiệt điện Phả Lại đã bơm lên tích chứa ở lòng hồ Bình Giang.

Năm 2007, Ban Quản lý công trình Thủy điện Sơn La đã xây dựng xưởng tuyển liên kế

với NM Nhiệt điện Phả Lại 2, có công suất 9.000 tấn/tháng. Đầu năm 2008 xưởng này đã đưa vào hoạt động từng công đoạn và sau đó toàn bộ xưởng đã hoạt động đạt công suất đến 10.000 tấn/tháng. Nguồn nguyên liệu của xưởng này là tro bay, lấy trực tiếp từ xilo của NM Nhiệt điện Phả Lại 2.

Năm 2008, Công ty Phụ gia bê tông Phả Lại (Phalami), một thành viên của Công ty CP Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc, đã xây dựng xưởng tuyển tro bay nhiệt điện Phả Lại có công suất 5.000 tấn/tháng. Đầu năm 2009 xưởng này đã được đưa vào vận hành và tháng 8/2009 đã hoàn thành giai đoạn đầu tư, chính thức đưa vào hoạt động sản xuất. Nguồn nguyên liệu của xưởng tuyển này cũng lấy trực tiếp từ xilo của NM Nhiệt điện Phả Lại 2.

Cuối năm 2010, Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình đã đưa vào hoạt động xưởng tuyển tro xỉ, công suất 50.000 tấn/năm. Nguồn nguyên liệu của xưởng tuyển này là tro xỉ NM Nhiệt điện Ninh Bình đã bơm ra và lưu giữ tại bãi thải số 1, gần kề NM.

Nguồn tro xỉ ở các NM Nhiệt điện khác như: Uông Bí, Bắc Giang... chưa được xử lý. Việc triển khai xây dựng các xưởng tuyển ở đây đang ở giai đoạn lập dự án.

Tro tuyển của các NM Nhiệt điện đốt than vùng Quảng Ninh dùng cho công nghệ RCC, theo đánh giá của các chuyên gia là có chất lượng rất tốt, đáp ứng các yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng làm phụ gia cho bê tông RCC theo ASTM-C618. Trên thực tế bốn xưởng tuyển tro xỉ tại vùng Phả Lại đã cung ứng đầy đủ nguyên liệu phụ gia cho nhu cầu sử dụng và đáp ứng tiến độ xây dựng NM Thủy điện Sơn La.

Ngoài ra, cũng có những nghiên cứu ứng dụng tuyển tro xỉ Nhiệt điện Phả Lại theo các phương pháp tuyển khác nhưng kém hiệu quả. Có thể kể đến như:

Công ty Sông Đà 12 đã đầu tư xây dựng xưởng sản xuất phụ gia bê tông từ tro bay Nhiệt điện Phả Lại bằng phương pháp tuyển tĩnh điện

với công suất thiết kế là 48 tấn/ca. Thiết bị tuyển tĩnh điện nhập khẩu từ Trung Quốc. Xưởng đã đi vào hoạt động từ giữa năm 2006, nhưng chỉ đạt công suất 4 tấn/ca (chưa được 10% công suất thiết kế). Tỷ lệ thu hồi sản phẩm tro tuyển so với nguyên khai rất thấp chỉ chiếm 20%. Không thu hồi được sản phẩm phụ là than tuyển. Tuy thu được sản phẩm tro tuyển đạt chất lượng nhưng giá thành tuyển rất cao. Hiện nay xưởng không hoạt động.

Còn đối với Công ty CP Hải Sơn đã đầu tư xây dựng xưởng sản xuất phụ gia bê tông bằng phương pháp đốt trong lò tuyền với công suất thiết kế 8.000 tấn/tháng, xưởng đã đi vào hoạt động từ năm 2007. Mặc dù sản phẩm tro đốt trong lò tuyền có hàm lượng MKN nhỏ hơn 1%, độ ẩm nhỏ hơn 1% nhưng qua kiểm chứng tại hiện trường đã khẳng định không sử dụng được vì các chỉ tiêu khác không đạt yêu cầu (độ hạt sau khi nghiền, một số tính chất cơ lý khác). Hiện xưởng không hoạt động nữa.

Có thể thấy, các xưởng tuyển đang hoạt động đều chọn phương pháp tuyển nổi. Phương pháp tuyển nổi cho phép: vừa thu được tro tuyển đạt yêu cầu chất lượng đáp ứng yêu cầu sản xuất VLXD (phụ gia xi măng, phụ gia bê tông), vừa thu được than tuyển sử dụng cho các hệ tiêu thụ dân dụng và công nghiệp.

Các xưởng tuyển tro xỉ nhiệt điện đang hoạt động, về cơ bản có sơ đồ công nghệ tuyển giống nhau: dùng phương pháp tuyển nổi trong các ngăn máy tuyển nổi cơ giới, dùng thuốc tuyển là sản phẩm dầu mỏ và dầu thông.

Sự khác nhau của các xưởng này là về nguồn cấp liệu và phương pháp án ráo – khử nước sản phẩm tuyển:

+ Nguồn cấp liệu là tro xỉ nguyên khai đã bơm chuyển vào hồ (hoặc bãi) thải: dùng bơm hút, chuyển từ hồ thải, đổ trực tiếp vào máy phân cấp xoắn, tách xỉ don trước khi khuấy tiếp xúc tuyển nổi.

+ Nguồn cấp liệu là tro bay nguyên khai: Dùng đường ống thủy lực, dẫn vào bể chống

lắng rồi từ đó bơm thẳng vào thùng khuấy tiếp xúc tuyển nổi. Trường hợp không dùng đường ống thủy lực phải dùng xe téc chuyển về bơm vào bunke chứa của xưởng tuyển, rồi cấp liệu vào thùng khuấy tiếp xúc tuyển nổi.

+Tro tuyển cần được sấy khô, đóng bao, xếp kho trước khi bốc chuyển đến nơi tiêu thụ. Khi điều kiện tài chính cho phép, tro tuyển được khử nước ở bể cô đặc, lọc ép rồi sấy khô – thực hiện đầy đủ các khâu này, đảm bảo được vệ sinh công nghiệp của xưởng tuyển. Trong trường hợp vị trí xây dựng xưởng tuyển rộng rãi, tro tuyển được khử nước ở bể lắng, bốc xúc ra bãi để ráo nước tự nhiên trước khi cấp vào máy sấy.

Nhu cầu sử dụng tro xỉ sau khi tái chế

Nhu cầu nguyên liệu cho bê tông đầm lăn

Tro bay nhiệt điện dùng làm phụ gia bê tông cho các dự án (DA) đập thủy điện áp dụng công nghệ đổ bê tông đầm lăn (RCC) tương đối lớn.

Tổng số các DA thủy điện dự kiến đưa vào vận hành ở quy mô công suất vừa (trên 30 MW0) và lớn là khoảng 70 dự án với tổng công suất 12.341 MW. Trong đó số DA dự kiến áp dụng công nghệ RCC là 10 dự án với tổng khối lượng bê tông đắp đập là 12,6 triệu m³ và yêu cầu phụ gia tro tuyển khoảng từ 1,7 - 2,6 triệu m³.

Một số DA lớn có nhu cầu sử dụng tro tuyển làm phụ gia bê tông cho công nghệ RCC là : Sơn La, Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát, Sê San 4...Trong đó riêng DA Thủy điện Sơn La ở giai đoạn 2006 đến 2010 cần khối lượng bê tông đầm lăn là 3 triệu m³ và yêu cầu phụ gia tro tuyển từ tro bay nhiệt điện đến 660.000 tấn, tháng cao điểm cần tới 25.000 tấn.

Nhu cầu dùng làm phụ gia sản xuất xi măng

Các công ty xi măng cũng có nhu cầu khá lớn dùng tro xỉ làm phụ gia. Tro tuyển đến hàm lượng mất khi nung nhỏ hơn 6% có thể dùng để trộn vào xi măng với tỷ lệ trung bình 10-20% (có khi lên tới 20 - 40% tùy thuộc vào loại xi măng) với mục đích giảm giá thành và cải thiện một số tính chất của xi măng (làm bê tông khối lớn, chống thấm nước, chống dẫn nở nhiệt, nhẹ hơn

bê tông thường).

Một nhà máy sản xuất xi măng cỡ vừa như xi măng Kansai Ninh Bình có công suất 1,4 triệu tấn/năm có thể sử dụng khoảng 280.000 tấn phụ gia/năm. Như vậy, với tổng công suất của các NM xi măng ở Việt Nam đến năm 2015 là khoảng 51 triệu tấn thì nhu cầu tro tuyển dùng làm phụ gia là rất lớn.

Nhu cầu của các công ty bê tông và công ty xây dựng

Nước ta hiện đang trong quá trình phát triển xây dựng cầu cống, các công trình thủy điện, các đê kè. Theo khảo sát thì các công ty bê tông cung cấp cho thị trường khoảng 15% lượng bê tông đúc sẵn, 85% còn lại là do các NM xi măng bán thẳng cho chủ đầu tư xây dựng.

Có rất nhiều công trình xây dựng cơ sở hạ tầng đòi hỏi phải có một số phụ gia đặc biệt như tro tuyển từ tro bay nhiệt điện để tăng các giải pháp kỹ thuật, tăng thời gian sử dụng. Nhưng vì lượng tro bay đáp ứng yêu cầu (tro tuyển) còn ít nên việc sử dụng chưa được rộng rãi. Tất cả các công ty bê tông như Công ty CP Bê tông Vĩnh Tuy, Công ty CP Bê tông xây dựng Hà Tây, Công ty Bê tông Việt Đức...hiện đang phải nhập một số hóa chất làm phụ gia từ nước ngoài với giá rất cao.

Nhu cầu xây dựng đường giao thông

Khoảng 10 năm gần đây, nhiều nước trên thế giới đã sử dụng tro tuyển từ tro bay nhiệt điện để xây dựng đường giao thông, như đắp nền đường qua vùng đất yếu, làm lớp thoát nước, làm lớp móng đường và lớp dưới của tầng mặt bằng vật liệu đá cát gia cố tro + vôi + thạch cao hoặc tro + xi măng, và làm mặt đường bê tông.

Ở Việt Nam, Bộ môn Đường bộ Trường Đại học Giao thông Vận tải đã tiến hành nghiên cứu sử dụng tro bay làm chất liên kết để gia cố vật liệu cát, đá làm mặt đường. Kết quả nghiên cứu cho thấy khi hỗn hợp 80% tro bay và 20% vôi dùng làm chất liên kết để gia cố đường sẽ đạt được độ bền cơ học khá cao.

Khi làm mặt đường sử dụng các hỗn hợp: Đá

+ vôi + tro bay ẩm; tro bay ẩm + xi măng hoặc tro bay ẩm + vôi + thạch cao. Tro bay khô dùng làm bột khoáng của bê tông nhựa và làm mặt đường bê tông. Việc sử dụng tro bay làm đường giao thông rất có triển vọng. Hiện đang có dự án thử nghiệm xây dựng đường giao thông nông thôn huyện Kim Động, Hưng Yên.

Nhu cầu sản xuất gạch không nung, bê tông nhẹ, bê tông chưng áp

Gạch không nung (gạch đá ong, gạch xỉ vôi) đã được sử dụng từ lâu, nhưng còn nhiều hạn chế và hiện chỉ chiếm khoảng 8% tổng số gạch xây bao che.

Để sản xuất ra 40 tỷ viên gạch nung từ nay đến 2020 phải tiêu tốn 60 triệu tấn than, riêng năm 2020 phải sử dụng 6,3 triệu tấn than. Việc sản xuất gạch nung, đặc biệt là lò đứng thủ công thải ra khí quyển lượng lớn khí CO₂, SO₂ độc hại ảnh hưởng lớn đến môi trường sống, sức khỏe con người, giảm năng suất cây trồng.

Nhằm giảm thiểu tác động môi trường do sản xuất gạch nung gây ra, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 121/2008 ngày 29/8/2008, phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2020. Trong phần định hướng Quy hoạch phát triển Vật liệu xây không nung đến năm 2020 đã xác định:

+Phát triển sản xuất vật liệu xây không nung từ các nguyên liệu như xi măng, đá mặt, cát và tro xỉ nhiệt điện theo hướng công nghệ hiện đại quy mô lớn, kích thước lớn và nhẹ để thay thế dần gạch xây sản xuất từ đất sét nung.

Tỷ lệ gạch không nung trong tổng số gạch xây đến năm 2010 chiếm 10-15%, năm 2015 chiếm 20 - 25%, năm 2020 chiếm 30 - 40% tổng số gạch xây sản xuất trong nước. Gạch không nung dần thay thế gạch nung, từng bước khắc phục ô nhiễm môi trường, giảm dần sử dụng tài nguyên đất sét và than cho việc sản xuất gạch nung.

Hiện nay đã có 2 nhà máy sản xuất gạch bê tông bọt đang hoạt động (Miếu Môn, Hà Nội và Sa Đéc, Đồng Tháp). Nhiều cơ sở sản xuất đang đầu tư xây dựng NM gạch bê tông chưng

áp như Công ty CP Phụ gia bê tông Phả Lại (Phalami), Công ty Ngạc Nhiên, Công ty Tân Kỳ Nguyên, Tổng công ty Viglacera, Công ty Chè Bảo Lộc - Lâm Đồng, Công ty Sông Đà 12 - Cao Cường... Tổng sản lượng của các NM này là 1.250.000 m³/năm (tương đương 750.000 viên gạch tiêu chuẩn).

Với ưu điểm và hiệu quả kinh tế kỹ thuật trong sản xuất, sử dụng vật liệu không nung như tiết kiệm tài nguyên đất canh tác, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, an sinh xã hội được đẩy mạnh sẽ làm thay đổi thói quen sử dụng vật liệu xây của người dân. Chắc chắn sản phẩm gạch không nung sẽ có bước phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

Sử dụng gạch xây không nung (bê tông nhẹ, bê tông chưng áp sản xuất từ tro, xỉ) cho nhà cao tầng có hiệu quả kinh tế khá cao. Trong hỗn hợp này (tro tuyển, xi măng, vôi, thạch cao, bột nhôm), tro tuyển từ tro bay nhiệt điện là thành phần chính, chiếm đến 70% khối lượng. Nhu cầu tro tuyển đạt chất lượng để cung ứng cho thị trường sản xuất gạch không nung, gạch bê tông nhẹ và bê tông chưng áp là rất lớn.

Ninh Hoàng Hạnh

Nguồn: Đề tài Sử dụng tro xỉ nhiệt điện trong san lấp cho công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật - Mã số RD 109-16TX. Viện KHCN xây dựng (Bộ Xây dựng).

Dữ liệu lớn giúp thay đổi đời sống người dân - Kinh nghiệm vệ sinh môi trường thông minh tại thành phố An Khê, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc

Năm 2014, thành phố An Khê, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc đã thực hiện phổ cập toàn diện việc lưu trữ chuyên nghiệp, nhất thể hóa vệ sinh môi trường tại đô thị và nông thôn. Năm 2015, thành phố An Khê được bình chọn là thành phố phổ cập toàn diện nhất thể hóa vệ sinh môi trường của tỉnh Sơn Đông. Năm 2018, cơ quan quản lý vệ sinh môi trường thành phố An Khê đã được biểu dương là “đơn vị tiên tiến xây dựng con đường ngàn dặm tiêu chuẩn hóa vệ sinh chuyên sâu thành phố Duy Phường”. Công tác nhất thể hóa vệ sinh môi trường đô thị và nông thôn của thành phố An Khê được thực hiện dưới sự lãnh đạo của chính quyền thành phố và đảng ủy thành phố An Khê, đồng thời luôn bám sát theo chiến lược chấn hưng nông thôn khu vực An Khê nhằm cải thiện môi trường cư trú và xây dựng môi trường sống, môi trường sản xuất tốt đẹp. Thành phố An Khê cũng đã sử dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật tiên tiến như dữ liệu lớn, điện toán đám mây... để tăng cường xây dựng vệ sinh môi

trường thông minh, làm tốt công tác quản lý và dịch vụ vệ sinh nhất thể hóa tại đô thị và nông thôn khu vực An Khê, từ đó thực hiện toàn diện việc nâng cao quản lý vệ sinh môi trường đô thị nông thôn và cải thiện diện mạo môi trường đô thị nông thôn thành phố An Khê.

1. Dữ liệu lớn hỗ trợ quy hoạch thống nhất

Thành phố An Khê đã tiến hành xây dựng hoàn thiện nền tảng chỉ huy số hóa thống nhất vệ sinh môi trường đô thị và nông thôn, tiến hành lắp đặt hơn 60 điểm giám sát kiểm soát mọi lúc mọi nơi tại các bãi xử lý rác thải sinh hoạt, bãi đỗ xe, trạm vận chuyển tại 15 cơ sở vệ sinh môi trường tại thành phố An Khê, cấp phát trang bị thiết bị định vị di động cho hơn 630 nhân viên vệ sinh đường bộ và các lái xe vận chuyển rác thải. Thành phố cũng đã căn cứ vào các dữ liệu vận hành về cơ sở thiết bị, xe cộ tác nghiệp và công nhân vệ sinh môi trường để hoàn thiện tối ưu hóa hơn nữa “Quy hoạch chuyên ngành nhất thể hóa vệ sinh môi trường

tại đô thị và nông thôn thành phố An Khê”, đồng thời căn cứ vào sự khác nhau trong quy hoạch, phân bố khu vực và nhiệm vụ sẽ phân chia thành 3 khu vực quản lý, 37 mục quản lý, trong đó có 20 mục quản lý vệ sinh tại khu vực được xây dựng và 17 mục quản lý vệ sinh tại khu vực đường phố thị trấn. An Khê đã làm tốt việc mua sắm và trang bị các xe tác nghiệp vệ sinh môi trường, làm tốt việc lựa chọn địa điểm, thi công và trang bị đối với các bãi rác thải sinh hoạt, trạm vận chuyển, các thùng đựng rác, các thùng đựng vỏ hoa quả sao cho thống nhất với quy hoạch.

Hiện tại, thành phố An Khê tổng cộng đã hoàn thành xây dựng 1 bãi xử lý vô hại hóa rác thải sinh hoạt cấp 1 của tỉnh Sơn Đông, 11 trạm vận chuyển rác thải dạng nén ép, 70 nhà vệ sinh sinh thái bảo vệ môi trường tại khu vực đô thị, mua sắm và trang bị được hơn 200 xe tác nghiệp vệ sinh môi trường phục vụ cho việc vận chuyển làm sạch, vận chuyển rác thải, nén ép rác thải, máy quét, máy quét rửa, xịt rửa cao áp..., trang bị 29.521 thùng đựng rác thải sinh hoạt dạng đóng kín và 806 thùng đựng vỏ hoa quả tại các tuyến phố khu vực đô thị.

2. Điện toán đám mây hỗ trợ quản lý

- Về việc nâng cấp nền tảng vệ sinh môi trường thông minh

Thành phố An Khê đã nâng cấp nền tảng chỉ huy số hóa thống nhất vệ sinh môi trường đô thị và nông thôn thành phố An Khê từ phiên bản 1.0 lên 2.0. Thành phố đã hoàn thành việc kiểm tra và bảo trì hệ thống định vị GPS trên các xe chuyên dụng, bố trí tối ưu hóa hơn 4.500 điểm thu gom với các thùng rác thải sinh hoạt, đưa hơn 30 nhà vệ sinh công cộng tại khu vực đô thị vào trong nền tảng quản lý giám sát, tiến hành lắp đặt thiết bị giám sát kiểm soát trực quan trên xe đối với hơn 60 chiếc xe tác nghiệp vệ sinh môi trường, quản lý giám sát trực tuyến cả ngày đối với 1.228 thôn tự nhiên, 224 chiếc

xe vệ sinh môi trường và 850 nhân viên quản lý vệ sinh môi trường.

- Về tổ chức các lớp đào tạo nhân viên chuyên ngành

Thành phố An Khê đã mời các kỹ sư thuộc Công ty Cổ phần khoa học kỹ thuật thông tin Phục Thái, thành phố Tô Châu đến đào tạo cho các nhân viên công tác tại các cơ sở vệ sinh môi trường về phần mềm điện thoại vệ sinh môi trường thông minh, đồng thời tiến hành đào tạo chi tiết về các phương diện như quản lý người sử dụng, quản lý giám sát xe chuyên dụng, quản lý giám sát nhân viên, khắc phục và sửa chữa các vấn đề ... Thành phố cũng đã kết hợp công tác đánh giá thường niên theo chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO9000, đồng thời đề ra các quy phạm tác nghiệp quản lý vệ sinh môi trường hoàn thiện tại khu vực đô thị và nông thôn, dựa vào các quy phạm tác nghiệp này để thực thi nhiệm vụ quản lý cho ba cấp độ là thành viên trong nhóm, nhân viên quản lý vệ sinh và nhân viên quản lý khu vực. Thành phố An Khê đã từng bước thực hiện quản lý giám sát, điều phối, phục vụ thống nhất việc vệ sinh môi trường tại đô thị và nông thôn, thực hiện mô hình quản lý vệ sinh môi trường theo quy hoạch một cách hợp lý, nâng cao chất lượng tác nghiệp vệ sinh môi trường, giảm chi phí vận hành kinh doanh vệ sinh môi trường, sử dụng dữ liệu dịch vụ đám mây để đánh giá thực hiện xử lý nhanh chóng, quản lý mọi lúc mọi nơi, thực hiện tác nghiệp số hóa và xây dựng các văn phòng làm việc không sử dụng giấy tờ, từ đó đảm bảo việc giữ gìn vệ sinh chuyên sâu trên các tuyến đường khu vực đô thị.

Giang Quân Hải

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn,

số 14/2019

ND: Kim Nhạn

Quản lý giám sát và phát triển chủ thể thị trường phân loại rác thải sinh hoạt - Kinh nghiệm thực tiễn từ tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc

Chính quyền tỉnh Chiết Giang luôn coi trọng cao độ công tác xử lý phân loại rác thải sinh hoạt, cụ thể vào tháng 6/2018 đã thành lập nên Nhóm lãnh đạo và Văn phòng công tác phân loại rác thải sinh hoạt tỉnh Chiết Giang. Các địa phương trong tỉnh luôn bám sát mục tiêu “Một năm thấy thành quả, ba năm thay đổi lớn, năm năm quyết thắng toàn diện”, đổi mới phương pháp làm việc, thúc đẩy hơn nữa 5 hành động lớn đó là giảm lượng rác thải đầu nguồn, tái tận dụng, xây dựng chế độ, nâng cao năng lực, phong cách văn minh, không ngừng nâng cao năng lực xử lý rác thải sinh hoạt.

Công tác tái chế tận dụng rác thải sinh hoạt của tỉnh Chiết Giang luôn kết hợp với tình hình thực tế của các địa phương trong toàn tỉnh, tích cực tìm kiếm và đổi mới các mô hình tái chế và đã xuất hiện một loạt các mô hình tái chế đặc sắc, có hiệu quả tái chế rõ rệt, có thể được sử dụng để tham khảo.

I. Phát triển các chủ thể thị trường phân loại rác thải sinh hoạt

Đối với việc phát triển các chủ thể thị trường phân loại rác thải sinh hoạt, cần kiên trì các nguyên tắc như “thị trường là chủ đạo, sự hướng dẫn của chính quyền là hỗ trợ”, “mô hình khả thi, quy mô hiệu quả”, thực hiện quy mô hóa và công nghiệp hóa. Tích cực đi sâu tìm tòi mô hình vận hành thị trường hóa về xử lý phân loại rác thải, thúc đẩy vận hành kinh doanh chuyên nghiệp hóa, xã hội hóa trong phân loại rác thải, phát triển một loạt các doanh nghiệp cốt cán có hiệu quả kinh tế tốt, hiệu quả môi trường cao, kinh doanh có quy phạm và quy mô.

1. Thiết lập thị trường phân loại rác thải sinh hoạt

Mức độ tích cực của thị trường phân loại rác thải sinh hoạt hiện nay rất cao, phân loại rác thải đã trở thành một kiểu “thời thượng”, chính quyền chủ yếu làm tốt công tác hướng dẫn. *Thứ nhất*, tại những khu vực không có sự tham gia của nhiều chủ thể thị trường và nhiều loại mô hình thị trường phân loại, cần hoan nghênh các doanh nghiệp có mô hình phân loại tham gia vào thị trường phân loại. *Thứ hai*, tại nơi đã có nhiều chủ thể thị trường và nhiều loại mô hình thị trường phân loại tham gia, cần tiến hành theo dõi hiệu suất, từng bước thu nhỏ phạm vi cũng như số lượng của chủ thể và mô hình định phát triển vận hành kinh doanh. *Thứ ba*, đối với những nơi phân loại rác thải sinh hoạt lạc hậu, có thể trải qua khảo sát của nhiều bên rồi trực tiếp tiếp nhận các doanh nghiệp và mô hình phân loại khả thi nhằm giảm thiểu “học phí” trong quá trình tìm tòi, mò mẫm, vừa tiết kiệm chi phí vật chất lại vừa tiết kiệm đáng kể thời gian.

Khích lệ các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp kinh doanh tư nhân tham gia xây dựng và vận hành bảo trì các cơ sở xử lý rác thải sinh hoạt. Thông qua việc đưa vào các cơ chế thị trường, khích lệ tư bản xã hội tích cực tham gia xây dựng cơ sở xử lý rác thải sinh hoạt, tái tận dụng tài nguyên, tận dụng tài nguyên hóa rác thải nhà bếp... Dựa vào thuộc tính công cộng xã hội của hệ thống thu gom phân loại rác thải, song song với việc tận dụng đầy đủ nguồn vốn xã hội, cũng có thể thử nghiệm mô hình tham gia hợp lý của nguồn vốn công. Ngoài ra, cần kiện toàn và hoàn thiện cơ chế thị trường, quy phạm hành vi tham gia công tác xử lý phân loại rác thải của doanh nghiệp. Khích lệ tổ chức xã hội đảm nhiệm các công tác

như tuyên truyền hướng dẫn, chỉ đạo giám sát, hỗ trợ kỹ thuật... khi xử lý rác thải, từ đó đẩy nhanh hình thành mô hình vận hành thị trường, giảm chi phí xử lý rác thải và nâng cao hiệu suất xử lý rác thải. Đặc biệt, cần khích lệ và tán thành các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội mang tính công ích tham gia xử lý rác thải.

Các cấp chính quyền cần thống nhất xem xét công tác phục hồi tài nguyên rác thải sinh hoạt và xử lý phân loại rác thải, việc tái chế nguồn tài nguyên tái sinh có trong rác thải sinh hoạt cần phỏng theo cách quản lý của các ngành mang tính công ích, đồng thời được hỗ trợ bởi các yếu tố như nguồn vốn, đất đai... Tăng cường kết nối giữa quy hoạch bố cục thu gom tài nguyên tái sinh và quy hoạch tổng thể tận dụng đất đai, tăng cường đảm bảo đất sử dụng cho các cơ sở tái chế, ưu tiên giải quyết đối với đất sử dụng làm cơ sở tái chế phù hợp quy hoạch. Tăng cường đầu tư tài chính, đảm bảo nguồn kinh phí cho công tác xử lý phân loại rác thải sinh hoạt tại đô thị và nông thôn, thu hút tư bản xã hội tham gia vào công tác xử lý phân loại rác thải sinh hoạt. Phát triển các doanh nghiệp hàng đầu, nâng cao trình độ và hiệu quả quy mô hóa của ngành công nghiệp xử lý rác thải. Nghiên cứu tìm tòi các cơ chế hỗ trợ, khích lệ doanh nghiệp tham gia thu gom rác thải nhà bếp, xử lý tài nguyên hóa, tái tận dụng rác thải sinh hoạt có giá trị thấp như thủy tinh phế thải, nhựa phế thải..., từ đó nâng cao hiệu quả thu gom phân loại rác thải và tận dụng tuần hoàn tài nguyên.

Xây dựng hệ thống thị trường phân loại rác thải sinh hoạt nhất thể hóa, bao gồm xây dựng cơ sở hạ tầng nhất thể hóa như thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, tiến hành nhất thể hóa việc phổ cập hệ thống thu gom, vận chuyển rác thải có thể tái chế tại đô thị và nông thôn, từ đó thực hiện kinh doanh quy mô

hóa tái chế tài nguyên và sử dụng tích hợp hóa cơ sở hạ tầng tái chế, thực hiện tối thiểu hóa chi phí kinh doanh cho chủ thể phân loại, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các chủ thể phân loại. Các địa phương trong toàn tỉnh Chiết Giang có thể lấy huyện (thành phố, khu vực) làm đơn vị, xây dựng hệ thống tái chế tài nguyên tái sinh và phân loại rác thải, tránh xây dựng trùng lặp, đầu tư lặp lại, từ đó xây dựng hệ thống tập kết phân loại rác thải, thu gom phân loại rác thải, vận chuyển phân loại rác thải và tận dụng tài nguyên hóa rác thải trong toàn chuỗi công nghiệp.

2. Thí điểm đầu tiên mô hình phân loại

Trên cơ sở lựa chọn các doanh nghiệp và mô hình tham gia thị trường phân loại rác thải sinh hoạt, căn cứ đặc trưng của mỗi đô thị và nông thôn để lựa chọn tiểu khu, cộng đồng và làng quê có nền tảng quần chúng tương đối tốt để tiến hành thí điểm trong phạm vi nhỏ. Trong quá trình thí điểm, chính quyền cần tận dụng các phương tiện truyền thông, các tình nguyện viên... để phát huy đầy đủ chức năng hướng dẫn, đồng thời tiến hành theo dõi sát sao thành quả phân loại của khu vực thí điểm, thời gian thí điểm cần lớn hơn 1 năm nhằm đảm bảo sự bền vững của mô hình phân loại.

3. Tuyển chọn và mở rộng mô hình phân loại

Trong bối cảnh hiện nay khi cư dân không chi trả chi phí hoặc chi trả khá ít cho rác thải sinh hoạt, lợi nhuận của doanh nghiệp tham gia phân loại rác thải sinh hoạt đến từ ba phương diện: *Thứ nhất*, giá trị thị trường từ bản thân tài nguyên tái sinh trong quá trình phân loại rác thải sinh hoạt; *Thứ hai*, những giá trị tiềm ẩn chiếm hữu thị phần; *Thứ ba*, chính quyền có sự hỗ trợ tài chính thích hợp cho doanh nghiệp. Giá trị thị trường của bản thân tài nguyên tái sinh là do thị trường quyết định, cơ quan chính

quyền có thể tiến hành phân tích khoản chi tài chính công về phân loại toàn bộ rác thải hiện tại, đồng thời tiến hành kiểm toán toàn diện đối với chi phí vận hành kinh doanh của doanh nghiệp tham gia phân loại rác thải sinh hoạt để xác định chi phí/ lợi nhuận vận hành kinh doanh dự án phân loại rác thải sinh hoạt và chi phí tính toán về lượng tái chế của đơn vị. Thêm vào đó, chính quyền còn cần xem xét các giá trị xã hội và giá trị tiền đề khi tỉnh Chiết Giang là một tỉnh kiểu mẫu về phân loại rác thải. Trên cơ sở tổng hợp các nhân tố trên các phương diện và kết hợp với kinh nghiệm thí điểm, hỗ trợ trọng điểm các doanh nghiệp hàng đầu bước vào vận hành quy mô hóa, trong một khu vực nhất định, thống nhất tiêu chuẩn và mô hình phân loại rác thải, xây dựng mô hình xử lý rác thải sinh hoạt phù hợp với người dân, từ đó vừa giúp đạt mục tiêu giảm lượng rác thải sinh hoạt, vừa giảm gánh nặng về tài chính cho các địa phương.

II. Quản lý giám sát thị trường phân loại rác thải sinh hoạt

Bám sát các khâu như tập kết, thu gom, vận chuyển và xử lý đối với rác thải sinh hoạt để xây dựng cơ chế quản lý giám sát trong xử lý rác thải sinh hoạt thống nhất giữa chính quyền, chủ đầu tư và giám sát xã hội nhằm nâng cao trình độ quản lý giám sát.

1. Thông minh hóa hệ thống thông tin dữ liệu lớn để đảm bảo việc quản lý giám sát mọi lúc mọi nơi

Các doanh nghiệp tham gia xử lý phân loại rác thải sinh hoạt thông qua các biện pháp như mạng internet, mạng kết nối vạn vật, trí tuệ nhân tạo... từ đó liên kết cư dân, thiết bị cơ sở tái chế, xe vận chuyển, trung tâm phân phối, lịch sử xuất kho... thành mạng lưới, thiết lập nền trung tâm dữ liệu thông tin hóa, xây dựng nền tảng dữ liệu lớn về phân loại rác thải, đồng thời kết nối với nền tảng quản lý rác thải sinh

hoạt của chính quyền, thực hiện sự kết nối dữ liệu linh động mọi lúc mọi nơi giữa nền tảng của chính quyền và kho dữ liệu của doanh nghiệp. Trên cơ sở nền tảng quản lý giám sát thông tin hóa minh bạch, hình thành mô hình tuần hoàn giúp giảm lượng rác thải, giảm gánh nặng cho chính quyền và giảm áp lực cho doanh nghiệp. Các loại xe vận chuyển rác thải đều cần lắp đặt thiết bị định vị GPS, đồng thời mỗi một phế phẩm, đồ cũ thu gom từ các hộ cư dân đều được đánh mã vạch, sau đó khâu nào đang tiến hành trình tự nào đó đều được tiến hành kiểm soát, giám sát toàn quá trình, chủng loại và trọng lượng rác thải sinh hoạt tập kết được từ mỗi gia đình cũng tiến hành đăng ký và thống kê trong nền tảng. Thông qua việc tiến hành quản lý giám sát trực quan đối với nguồn gốc tài nguyên tái sinh, số lượng tài nguyên tái sinh, số lượng vận chuyển của các xe đơn lẻ, số lượng nhập kho mọi lúc mọi nơi, số lượng xuất kho của các loại sản phẩm, số lượng rác thải không thể tận dụng ... để đảm bảo dữ liệu chân thực và dễ dàng kiểm tra, tạo sự hỗ trợ về mặt “dữ liệu lớn” cho công tác quyết sách và quản lý giám sát của các cơ quan chính quyền.

2. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc thường ngày

Tăng cường kiểm tra chấp pháp, nghiêm chỉnh xử lý các hành vi vi phạm, tiến hành kiểm tra và xử lý theo pháp luật các vấn đề ô nhiễm thứ cấp xuất hiện trong quá trình thu gom, phân loại và xử lý của các doanh nghiệp, đảm bảo việc quản lý thị trường phân loại rác thải sinh hoạt phát triển có trật tự và lành mạnh.

3. Đánh giá nghiêm ngặt, quản lý thông thường

Xây dựng biện pháp đánh giá vận hành thị trường hóa trong phân loại rác thải sinh hoạt, chi tiết hơn nữa các biện pháp đánh giá của các cơ quan, cộng đồng, tài sản, doanh nghiệp,

lượng hóa các chỉ tiêu đánh giá, từ đó coi các kết quả đánh giá là căn cứ quan trọng để phân bổ kinh phí. Làm tốt việc kiểm toán hàng năm của các doanh nghiệp xử lý phân loại rác thải sinh hoạt, đào thải các doanh nghiệp có hiệu suất thấp và doanh nghiệp phụ thuộc vào sự hỗ trợ của chính quyền, đảm bảo hiệu quả trong sử

dụng nguồn tài chính, tạo cơ sở tham khảo mang tính liên tục cho các chính sách tiếp theo.

Du Ví Ba

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn

Trung Quốc, số 11/2019

ND: Kim Nhạn

Thành phố thông minh 2019+

Khái niệm Thành phố thông minh 2019+ đã xuất hiện và phát triển mạnh mẽ trong thời gian gần đây, là kết quả của rất nhiều cuộc tranh luận và thảo luận chung. Một vài năm trước, thành phố thông minh được hiểu là tổ hợp các giải pháp liên quan đến công nghệ Internet không dây. Sau đó, định nghĩa “đám mây” ra đời và nhanh chóng trở thành động lực chính của thành phố thông minh.

Khái niệm Thành phố thông minh 2019+ xuất hiện với mục tiêu tối ưu hóa cuộc sống đô thị, trước hết nhờ các công nghệ mới. Điểm tựa vững chắc của Thành phố thông minh 2019+ là sự phát triển công nghệ thông tin - truyền thông và hệ thống giao thông thông minh (ITS). Những công nghệ này sẽ cách mạng hóa thời gian di chuyển trong thành phố thông minh, cải thiện mức an toàn giao thông và kiểm soát lưu lượng người. Với khả năng sử dụng hàng triệu cảm biến được lắp đặt trong các thành phần khác nhau của hạ tầng đô thị thông minh, thành phố có thể hoạt động như một cơ chế thống nhất.

Những người đề xuất ý tưởng ban đầu về Thành phố thông minh đã mong ước toàn bộ thành phố sẽ được tự động hóa và được quản lý. Theo ý tưởng này, một số thành phố thông minh được xây từ số 0 đã được hiện thực hóa. Ví dụ điển hình là Masdar - thành phố thông minh tại Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE) được xây dựng theo sáng kiến của các chuyên gia đại học công nghệ Massachusetts (Boston, Mỹ). Theo thiết kế, Masdar là thành

phố đầu tiên trên thế giới không thải carbon dioxide vào bầu khí quyển. Tất cả các hệ thống trong thành phố (hệ thống sưởi ấm, làm mát, điện và phương tiện giao thông...) được vận hành bằng những nguồn năng lượng tái tạo. Thành phố cũng không tạo rác thải, tất cả mọi thứ được người dân thải ra đều được xử lý, chẳng hạn các chất hữu cơ được sử dụng làm nhiên liệu cho trạm điện. UAE đã dành 300 tỷ USD để xây dựng thành phố thông minh Masdar, với dân số hiện đã có vài trăm, và dự kiến sẽ có khoảng 50 nghìn dân. Masdar là bằng chứng cho thấy con người đã có thể xây dựng những thành phố mà trước đó chỉ xuất hiện trong các bộ phim khoa học viễn tưởng.

Tuy nhiên, đối với những dự án quy mô như Masdar, có nhiều vấn đề phát sinh. Trước hết, ngoài UAE, những quốc gia nào trên thế giới có đủ khả năng xây dựng thành phố thông minh tương tự? Một vấn đề nữa được các nhà xã hội học đưa ra: chỗ nào trong thành phố này dành cho mọi người? Những ý tưởng ban đầu về thành phố thông minh chỉ chú ý tới tối ưu hóa và cơ giới hóa các siêu đô thị, nhu cầu thực tế của cư dân bị quên, và một điều quan trọng cũng có vẻ bị quên - các thành phố trước hết cần phải dành cho người dân, chứ không phải ngược lại.

Những thành phố thông minh về sau đã tập trung hơn đến vai trò của con người trong thành phố, bắt đầu phối hợp việc phát triển công nghệ với sự tham gia của người dân vào cuộc sống

đô thị. Nhờ sự phát triển công nghệ, nhiều công cụ đã được tạo ra cho phép mọi công dân tích cực tham gia vào đời sống của thành phố cũng như xây dựng thành phố tương lai.

Nhờ các công nghệ đám mây và Internet không dây ngày càng phát triển (gồm cả sự xuất hiện của các mạng 4G, 5G...), ITS cũng phát triển tương ứng, cho phép nghiên cứu lưu lượng người dân tại các nút giao thông cụ thể, tạo khả năng thích ứng giữa việc đi lại của người dân với cường độ giao thông công cộng, thay đổi tín hiệu giao thông,... Cư dân của các thành phố hiện đại có thể sử dụng nhiều dịch vụ chỉ bằng một chiếc smart phone, đơn giản nhất là mua vé đi phương tiện giao thông công cộng. Ngoài ra, người dân có thể thông báo về các nguy cơ hoặc nêu kiến nghị của mình về hoạt động của thành phố và chính quyền đô thị.

Thành phố thông minh ngay từ buổi đầu đã được quan niệm phải là thành phố sinh thái. Tạo ra và xử lý rác thải đã trở thành một trong những vấn đề thiết yếu của nhiều siêu đô thị trên thế giới. Nhiều thành phố quyết định đi theo con đường của Masdar khi giảm thiểu việc tạo ra rác thải và thay đổi các nguồn năng lượng. Điều này không khó để thực hiện nếu xây dựng các thành phố mới hoặc các quận dân sinh mới. Vấn đề sẽ phát sinh trong các khu vực lịch sử trong đô thị, hoặc trong các thành phố chưa đủ khả năng thay đổi triệt để.

Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo của hầu hết các thành phố đều hiểu rõ: Với mật độ dân số và nhu cầu ngày càng tăng của mỗi thành phố, rác thải, mức tiêu thụ năng lượng, chất lượng không khí sẽ trở thành những vấn đề ưu tiên trong quá trình phát triển đô thị. Trong một siêu đô thị hiện đại, nhiều quy trình đã được tự động hóa, giúp tăng hiệu quả của các dịch vụ đô thị.

Sự tham gia của công dân vào các hoạt động đô thị cũng ngày càng tăng. Người dân đang ngày càng nhận thức rõ hơn về việc phân loại rác thải, hạn chế đi lại bằng xe hơi, hay sự cần thiết quan tâm đến chất lượng không khí.

Các thành phố thông minh hiện đại đều đang hướng tới việc trở thành các thành phố không khí thải và tự chủ hoàn toàn.

Một yếu tố khác của Thành phố thông minh 2019+ là quy hoạch đúng đắn. Sau nhiều năm, sự phát triển của các siêu đô thị thường không được kiểm soát, chỉ chú trọng đến việc sử dụng không gian tối đa, điều này khiến các chức năng đô thị bị ảnh hưởng. Chẳng hạn như Manhattan (Mỹ) - nơi giá đất buộc các nhà đầu tư tối đa hóa việc sử dụng đất.

Ngay cả trong các dự án kiến trúc, có thể thấy quan niệm về sự phát triển đô thị đã thay đổi, không chỉ từ chính quyền và người dân mà cả từ phía doanh nghiệp. Các kết cấu kiến trúc mới thường nhấn mạnh các không gian được hình thành ở cả bên trong và bên ngoài, điều này kích ứng tích cực đến con người, và xã hội hóa mọi hoạt động của người dân đô thị. Cây xanh đô thị ngày càng được quan tâm hơn.

Một sự thay đổi trong giải pháp Thành phố thông minh 2019+ cũng được phản ánh rất rõ trong quy hoạch tổng thể những quận dân sinh mới. Sau những sai lầm của vài năm trước đây, khi các tòa nhà văn phòng hoặc nhà ở một tầng được xây dựng, các quận hiện đang được quy hoạch sao cho mọi chức năng khác nhau có thể hài hòa. Tại đây, cư dân được khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông công cộng, xe đạp hoặc đi bộ từ nhà đến nơi làm việc.

Những năm gần đây xuất hiện hàng loạt giải pháp chung theo phương châm “cùng sử dụng”. Điều này đương nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển đô thị. Tại các thành phố của Nga, các trạm xe đạp nội đô, các công ty cho thuê xe hơi trong khoảng thời gian ngắn (car – sharing) hoặc cho thuê xe máy điện bắt đầu xuất hiện. Nền kinh tế “cùng sử dụng” cũng ảnh hưởng đến cách thức mọi người làm việc. Trong mô hình coworking, ngày càng hình thành nhiều văn phòng cho thuê chỗ làm việc riêng biệt dành cho các công ty. Rất nhiều nhân viên do yêu cầu cơ động và linh hoạt không muốn bị

ràng buộc với một bàn làm việc mà họ phải ngồi suốt tám tiếng đồng hồ tại văn phòng. Họ có thể từ căn hộ được thuê đi xe đạp đến văn phòng nơi sẽ thuê một chỗ ngồi để làm việc. Các thành phố hiện đại dường như đang rời xa dần mô hình sở hữu.

Thành phố thông minh 2019+ không xác định giải pháp cụ thể được thể hiện trong sự phát triển của bất kỳ thành phố nào trên thế giới. Đúng hơn, đó là giải pháp để phát triển trên cơ sở thích ứng với các điều kiện thay đổi. Thành phố thông minh 2019+ là thành phố linh

hoạt thích nghi với lối sống của người dân, với các công nghệ và điều kiện môi trường luôn biến đổi. Khái niệm Thành phố thông minh 2019+ sẽ nâng cao nhận thức của người dân và sự tham gia của họ vào đời sống đô thị. Và các công nghệ mới sẽ là những công cụ đắc lực để thực hiện điều này.

G.Koriuvchuk

Nguồn: www.smart-city-2019-concept

ND: Lê Minh

Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn làm việc với Giám đốc Quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam

Ngày 6/2/2020, tại Trụ sở Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn có buổi làm việc với ông Ousmane Dione - Giám đốc Quốc gia Ngân hàng Thế giới (WB) tại Việt Nam - về một số nội dung liên quan đến Dự án Cấp nước an toàn vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và triển khai Luật Kiến trúc.

Tại buổi làm việc, hai bên đã thảo luận các nội dung liên quan đến triển khai Dự án Cấp nước an toàn vùng Đồng bằng Sông Cửu Long theo đề xuất của WB, đó là: Giai đoạn 1 sẽ triển khai Dự án theo từng tỉnh, trước hết là các tỉnh có nhu cầu cấp bách nhất, song song với đó sẽ tiến hành các bước giai đoạn 2 là mở rộng ra toàn vùng.

Giám đốc Quốc gia WB tại Việt Nam Ousmane Dione nhấn mạnh vai trò quan trọng của Bộ Xây dựng trong việc triển khai Dự án Cấp nước an toàn vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và mong muốn Bộ Xây dựng cử đại diện tham gia cùng đoàn chuyên gia WB khảo sát thực tế một số địa phương thuộc vùng Đồng bằng Sông Cửu Long trong Quý I/2020 để phục vụ Dự án.

Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn nhất trí với đề xuất của WB về các giai đoạn triển khai Dự án



Quang cảnh buổi làm việc

Cấp nước an toàn vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và sẽ báo cáo Bộ trưởng Bộ Xây dựng các nội dung liên quan đến Dự án, sau đó sẽ thông tin kịp thời tới WB.

Cũng tại buổi làm việc, theo đề xuất của Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn, Giám đốc Quốc gia WB tại Việt Nam Ousmane Dione cho biết, WB sẵn sàng giúp đỡ Việt Nam triển khai Luật Kiến trúc, trong đó có nội dung xây dựng Quy chế quản lý kiến trúc mẫu cho các địa phương và sẽ giao cho Ban Đô thị của WB phối hợp với đơn vị đầu mối của Bộ Xây dựng để nghiên cứu triển khai các nội dung cụ thể.

Trần Đình Hà

Lễ Công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm Thứ trưởng Bộ Xây dựng

Ngày 10/2/2020, Bộ Xây dựng đã tổ chức Lễ công bố Quyết định số 196/QĐ-TTg ngày 6/2/2020 của Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm ông Nguyễn Tường Văn, Cục trưởng Cục Phát triển đô thị Bộ Xây dựng, giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Xây dựng. Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng

Hà đã trao Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cho tân Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn.

Chúc mừng tân Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn được Ban Bí thư tin tưởng và được Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm giữ trọng trách mới, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà khẳng định sự kiện này là niềm vui chung của toàn thể cán bộ,



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà trao Quyết định và tặng hoa chúc mừng tân Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn công chức, viên chức của Bộ Xây dựng, thể hiện sự trưởng thành của đội ngũ cán bộ của Bộ Xây dựng.

Theo Bộ trưởng Phạm Hồng Hà, việc Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Tường Văn giữ trọng trách Thứ trưởng Bộ Xây dựng là sự ghi nhận quá trình nỗ lực phấn đấu của cá nhân đồng chí trên các cương vị công tác, và sự đoàn kết, quan tâm giúp đỡ tích cực của Ban Cán sự Đảng Bộ Xây dựng, các đồng chí lãnh đạo Bộ, cán bộ chủ chốt các đơn vị thuộc Bộ để đồng chí Nguyễn Tường Văn hoàn thành tốt các nhiệm vụ trong thời gian qua.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà bày tỏ tin tưởng, tân Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn sẽ tiếp tục nỗ lực phấn đấu, đồng thời mong muốn các đồng chí trong Ban Cán sự Đảng, lãnh đạo Bộ Xây dựng, lãnh đạo các cơ quan đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng tích cực phối hợp, giúp đỡ để đồng chí Nguyễn Tường Văn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình.

Bày tỏ niềm vinh dự được nhận Quyết định bổ nhiệm của Thủ tướng Chính phủ, tân Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn xúc động cảm ơn các đồng chí Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà và các đồng chí trong Ban Cán sự Đảng, các đồng chí Thứ trưởng Bộ Xây dựng và lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng đã ủng hộ và tin nhiệm giao đảm nhiệm vị trí quan trọng. Tân Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn cũng nguyện sẽ phấn đấu hết sức mình trên cương vị công tác mới, phối hợp chặt chẽ với các đồng chí lãnh đạo Bộ Xây dựng, các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan để hoàn thành tốt các chương trình công tác, các nhiệm vụ được giao.

Minh Tuấn

Đánh giá 10 năm công tác quy hoạch nông thôn mới trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Công tác lập quy hoạch xây dựng nông thôn

Giai đoạn 2011 - 2015

Ngay từ khi Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 của Hội nghị lần thứ 7 BCH Trung ương Đảng khóa X về Nông nghiệp - Nông thôn - Nông dân được ban hành, Bộ Xây dựng đã tham gia “Chương trình thí điểm xây dựng mô hình nông thôn mới” tại 11 xã thí điểm do Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ đạo thực hiện. Xác định công tác quy hoạch là khâu đột phá của Chương trình, Bộ Xây dựng đã ban hành nhiều

văn bản hướng dẫn, văn bản pháp lý đồng thời giao cho các đơn vị chuyên môn tổ chức 11 nhóm công tác về 11 xã thí điểm, phối hợp với các địa phương tiến hành lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng theo nội dung của Bộ tiêu chí nông thôn mới (NTM) do Chính phủ ban hành. Đồ án quy hoạch chung xây dựng của 11 xã thí điểm đã thực sự tác động tích cực đến tình hình kinh tế xã hội của 11 địa phương, là cơ sở để các địa phương lập các đề án, dự án hoặc báo cáo đầu tư; tạo cơ sở để huy động các nguồn lực xã hội vào xây dựng nông thôn mới,

tạo điều kiện để các địa phương phát huy mọi nguồn lực từ các thành phần kinh tế khác nhau. Căn cứ vào 11 đồ án quy hoạch đã lập, các xã tiến hành điều chỉnh định hướng phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch sử dụng đất, đưa nhiệm vụ xây dựng NTM vào chương trình hành động của Đảng bộ xã trong nhiệm kỳ.

Theo số liệu tổng hợp từ các địa phương, đến tháng 6/2019 trên địa bàn cả nước đã có 9.111 xã có quy hoạch xây dựng. Tuy nhiên, các xã có đồ án quy hoạch xây dựng chất lượng nhìn chung còn yếu, tính khả thi chưa cao, động lực phát triển trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn được xác định không đầy đủ, không thu hút được nguồn lực đầu tư để phát triển. Để đạt được mục tiêu đến năm 2020 có 50% số xã đạt tiêu chuẩn NTM, công tác quy hoạch xây dựng nông thôn cần phải đi trước một bước làm cơ sở: Đầu tư, phát triển hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội nông thôn, xây dựng NTM bền vững.

Qua nghiên cứu thực trạng công tác lập quy hoạch, quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn toàn quốc, trên cơ sở thực hiện tại 11 xã thí điểm, Bộ Xây dựng đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình rà soát quy hoạch xây dựng NTM trên phạm vi cả nước” tại Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 2/2/2010 với mục tiêu đến năm 2021 cơ bản hoàn thành việc quy hoạch xây dựng NTM trên địa bàn cả nước, làm cơ sở để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020.

Để triển khai nội dung và thực hiện các giải pháp theo quyết định của Thủ tướng nhằm hỗ trợ các địa phương trong công tác phủ kín quy hoạch xây dựng NTM, Bộ Xây dựng đã xây dựng đề án “Mô hình quy hoạch xây dựng NTM” với mục tiêu nghiên cứu các mô hình quy hoạch xây dựng NTM theo đặc điểm sinh thái, hình thái sinh hoạt, sản xuất của dân cư các vùng miền có đặc trưng chung đáp ứng được tiêu chí về NTM và có thể nhân rộng phát triển ra cả nước; quản lý quy hoạch xây dựng, không gian

kiến trúc, cơ sở hạ tầng, môi trường điểm dân cư nông thôn theo hướng xây dựng NTM gắn với phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai và khung hướng dẫn kỹ thuật cho công tác triển khai nhân rộng, phủ kín quy hoạch xây dựng NTM trên địa bàn cả nước.

Các mô hình quy hoạch xây dựng NTM được nghiên cứu và khái quát qua việc nghiên cứu 16 xã đặc trưng theo đặc điểm phát triển dân cư của từng vùng miền cụ thể. Hồ sơ các đồ án đã gửi tới Sở Xây dựng, Ban chỉ đạo xây dựng NTM các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để các địa phương tham khảo và làm cơ sở hướng dẫn cho các đối tượng liên quan đến công tác quy hoạch xây dựng xã NTM nhằm đẩy nhanh tiến độ việc tổ chức lập và nâng cao chất lượng quy hoạch xây dựng xã NTM.

Căn cứ theo Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020, Bộ Xây dựng đã tích cực và chủ động lập kế hoạch triển khai đồng bộ các công việc, nhiệm vụ được giao, đồng thời chủ động triển khai các nội dung liên quan đến công tác xây dựng NTM thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ. Trong giai đoạn 2010 - 2015, với sự nỗ lực của các ngành các cấp cùng với chính quyền địa phương, tỷ lệ hoàn thành công tác lập quy hoạch xây dựng NTM đã đạt được kết quả là số xã có quy hoạch trên tổng số xã của cả nước đã tăng từ 23% năm 2010 lên 83,5% vào năm 2013 (và đến hết năm 2018 đã đạt 98,4%).

Giai đoạn 2016 - 2019

Năm 2016, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1600/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020 với mục tiêu đưa chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020 đi vào chiều sâu, thiết thực và hiệu quả. Cụ thể là tiếp tục tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, bao gồm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gắn với phát triển nông nghiệp với

công nghiệp chế biến, gắn sản xuất với thị trường để hình thành sự liên kết nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ và thị trường ngay trên địa bàn nông thôn.

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, Bộ Xây dựng tiếp tục được phân công là thành viên Ban chỉ đạo Trung ương chủ trì hướng dẫn thực hiện công tác quy hoạch xây dựng nông thôn. Tuy nhiên, khác với nhiệm vụ giai đoạn 2010 - 2015 là tập trung cơ bản phủ kín quy hoạch xây dựng nông thôn trên địa bàn cả nước và nội dung quy hoạch nông thôn mới chỉ chú trọng vào phát triển khu dân cư mới và chỉnh trang khu dân cư hiện hữu trong phạm vi một xã, trong giai đoạn 2016 - 2020, Bộ Xây dựng được phân công chủ trì hướng dẫn quy hoạch xây dựng vùng nhằm đáp ứng tiêu chí huyện NTM và quy hoạch xã NTM bổ sung thêm nội dung đảm bảo hài hòa giữa phát triển nông thôn với phát triển đô thị.

Bộ Xây dựng đã chủ động và phối hợp, tham gia với các Bộ, ngành liên quan trong việc xây dựng các văn bản pháp luật nhằm hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2018. Trong công tác chỉ đạo, điều hành, Bộ Xây dựng đã xây dựng cơ chế, chính sách, văn bản hướng dẫn và đề xuất các chương trình, dự án để thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020. Cụ thể là:

Về xây dựng cơ chế chính sách, văn bản pháp luật: Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 1/3/2017 hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn, thay thế Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNTTNT-BTNMT ngày 28/10/2011. Về quy hoạch xây dựng vùng huyện, Bộ Xây dựng đã hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện: Huyện đạt tiêu chí quy hoạch khi có quy hoạch xây dựng vùng huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014; xác định các khu vực sản xuất phi nông nghiệp theo hướng tập trung để thuận tiện

phục vụ, xây dựng hạ tầng và xử lý môi trường và đầu tư cơ sở hạ tầng.

Bộ Xây dựng đã tích cực rà soát đánh giá quy hoạch xây dựng NTM, đánh giá hiệu quả công tác lập và quản lý quy hoạch xây dựng NTM đối với đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn cấp xã; nghiên cứu, hướng dẫn các địa phương đẩy mạnh công tác cắm mốc quy hoạch theo quy hoạch xây dựng xã NTM được duyệt, đánh giá việc lập và thực hiện quy hoạch để kịp thời khắc phục những hạn chế, khiếm khuyết trong công tác quy hoạch xây dựng NTM; triển khai đào tạo nâng cao năng lực của địa phương trong công tác lập, thẩm định và quản lý quy hoạch xây dựng NTM. Đến giữa năm 2018, Bộ Xây dựng đã chỉ đạo thực hiện các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho gần 1.000 cán bộ tại các địa phương trong công tác quản lý quy hoạch xây dựng NTM; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng cho công chức địa chính - xây dựng - nông nghiệp và môi trường xã.

Về công tác hướng dẫn các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương, tổ chức khoa học, cơ quan tư vấn về quy hoạch NTM

Bộ Xây dựng thường xuyên hướng dẫn các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương, tổ chức khoa học, cơ quan tư vấn thông qua các hội nghị, hội thảo, các cuộc làm việc trực tiếp tại địa phương hoặc thông qua các công văn, văn bản trả lời, tài liệu hướng dẫn cụ thể; Bộ Xây dựng đã tổ chức hội nghị đánh giá về công tác lập quy hoạch 11 xã thí điểm xây dựng mô hình NTM của Ban Bí thư Trung ương Đảng để tổng kết, rút kinh nghiệm và làm rõ những vấn đề khó khăn, vướng mắc cần tháo gỡ trong thực tế triển khai công tác quy hoạch xây dựng NTM.

Về đào tạo, tập huấn cán bộ cấp huyện, xã thực hiện công tác quy hoạch, Bộ Xây dựng đã ban hành các quyết định về công tác tập huấn, đào tạo cán bộ tại địa phương. Nội dung đào tạo, tập huấn tập trung vào các văn bản pháp luật về xây dựng NTM, mô hình quy hoạch xây

dựng NTM gồm 11 mô hình thí điểm và 15 mô hình đặc trưng vùng khí hậu, sinh thái; công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn xã, công tác quản lý dự án đầu tư trên địa bàn xã.

Sau 5 năm thực hiện quyết định số 900/QĐ-BXD và quyết định 952/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng, Học viện AMC đã thực hiện các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho hơn 2.000 lượt cán bộ tại các địa phương trong cả nước. Việc đào tạo, tập huấn đã có những đóng góp nhất định trong việc nâng cao nhận thức và kinh nghiệm cho các cán bộ quản lý ở địa phương cũng như năng lực cho các cá nhân, đơn vị tư vấn trong việc lập quy hoạch xây dựng NTM.

Về nội dung, chất lượng đồ án quy hoạch xây dựng NTM đã được triển khai

Nhìn chung chất lượng các đồ án quy hoạch xây dựng xã NTM được lập theo quy định tại các văn bản: Luật Xây dựng 2003, Nghị định 08/2005/NĐ-CP ngày 24/1/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; thông tư số 09/2010/TT-BXD ngày 4/8/2010 của Bộ Xây dựng; Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD ngày 31/3/2008 của Bộ Xây dựng; Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28/10/2011 của liên Bộ, cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu, là cơ sở cho việc triển khai các dự án, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020 trên địa bàn các tỉnh.

Quy hoạch xây dựng NTM được phê duyệt đã triển khai, bước đầu định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng sản xuất, phân vùng sản xuất cho toàn quốc, tạo tiền đề cho phát triển kinh tế, xã hội nâng cao đời sống nhân dân. Tuy nhiên, đồ án quy hoạch xây dựng NTM được lập và phê duyệt từ năm 2012, trong quá trình thực hiện đến nay một số xã đã phát sinh nhiều bất cập như: Phân vùng quy hoạch không phù hợp với phát triển ngành, dẫn đến khó thực hiện, nếu thực hiện thì phải điều chỉnh quy hoạch dẫn đến mất nhiều thời gian, chi phí.

Các đồ án quy hoạch xây dựng NTM được lập là một bước để định hướng cho các xã xây dựng NTM, thể hiện được hiện trạng điều kiện tự nhiên về kinh tế, xã hội, hiện trạng sử dụng đất, không gian kiến trúc và cơ sở hạ tầng, từ đó xây dựng được định hướng phát triển vùng nông thôn của các xã cho phù hợp với nhu cầu phát triển khu dân cư, phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn các xã.

Nhìn chung, chất lượng các đồ án quy hoạch xây dựng đã cơ bản đáp ứng yêu cầu, là cơ sở cho việc xây dựng các Đề án xây dựng xã NTM trong giai đoạn trước mắt, phục vụ tốt công tác xây dựng NTM theo Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020. Quy hoạch xây dựng NTM bước đầu đã đi vào cuộc sống, tạo ra cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp hơn ở các vùng nông thôn và bước đầu nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

Tuy nhiên, đánh giá một cách tổng thể, các đồ án còn có những hạn chế nhất định, chất lượng quy hoạch chưa cao, tính lý luận trong báo cáo quy hoạch không nhiều, thiếu tính dự báo. Các giải pháp thực hiện quy hoạch thường mang tính chung chung, không cụ thể; kế hoạch huy động nguồn lực còn thiếu tính thực tiễn. Tính kết nối, liên kết của các quy hoạch chung cấp xã trên từng địa bàn huyện, liên xã còn thấp, thiếu tính liên kết vùng trong tổ chức sản xuất hàng hóa lớn, xây dựng hạ tầng khung, xây dựng NTM gắn với phát triển đô thị, công nghiệp, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn cấp huyện. Các đồ án quy hoạch và đề án NTM còn nặng nề về tính toán đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, chưa chú trọng đúng mức tới các lĩnh vực như: Phát triển sản xuất, văn hóa, bảo vệ môi trường; công tác rà soát, điều chỉnh quy hoạch, đề án chậm được triển khai thực hiện.

Nguyên nhân quy hoạch xây dựng xã NTM giai đoạn qua có hạn chế về chất lượng một phần là do tiến độ thực hiện gấp gáp, năng lực của đơn vị tư vấn còn hạn chế. Bên cạnh đó,

việc lập quy hoạch theo hồ sơ mẫu dẫn đến không tránh khỏi sự rập khuôn; chủ thể của công tác quy hoạch là chính quyền cấp xã và nhân dân chưa có kinh nghiệm trong khâu tổ chức, quản lý lập quy hoạch. Do đó, công tác điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng NTM cấp xã là một yêu cầu tất yếu để đảm bảo xây dựng NTM một cách bền vững.

Phương hướng triển khai quy hoạch xây dựng nông thôn sau năm 2020

Bối cảnh

Việc định hướng quy hoạch bố trí, phát triển dân cư nông thôn cho giai đoạn sau năm 2020 có một khía cạnh cần giải quyết là xây dựng NTM gắn với đô thị hóa. Về mặt tổng quan, tiến trình đô thị hóa ở nước ta diễn ra dưới 3 góc độ: Đô thị hóa ở các thành phố lớn, tại các đô thị lớn; tại các đô thị trung bình và nhỏ; tại các điểm dân cư nông thôn. Sự phát triển đô thị hóa diễn ra hợp lý đối với 3 góc độ trên sẽ tạo ra môi trường phát triển bền vững giữa đô thị và nông thôn, giảm được sự cách biệt giữa 2 vùng này. Tỷ lệ dân số đô thị của các đô thị nhỏ trên tổng dân số đô thị cả nước chỉ đạt tỷ lệ thấp khoảng 13,73%. Qua đó cho thấy vấn đề trong xây dựng NTM gắn với đô thị hóa, ngoài việc kết nối với các đô thị lớn, trung bình, việc phát triển các đô thị nhỏ, điểm dân cư tập trung trên địa bàn huyện là điều cần thiết cho phát triển trước mắt và lâu dài ở khu vực nông thôn.

Trong định hướng quy hoạch bố trí, phát triển dân cư nông thôn cho giai đoạn sau 2020 phải thể hiện được và phù hợp với các định hướng lớn có liên quan của Đảng và Nhà nước về xây dựng NTM. Các định hướng lớn có liên quan là: Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về Nông nghiệp - nông dân - nông thôn; Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quyết định số 676/QĐ/TTg

ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án xây dựng NTM trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017 - 2020

Quan điểm, nguyên tắc trong định hướng quy hoạch bố trí phát triển điểm dân cư nông thôn giai đoạn sau 2020

Quan điểm, nguyên tắc trong định hướng quy hoạch bố trí phát triển điểm dân cư nông thôn giai đoạn sau 2020 được triển khai trên cả 2 cấp độ: Đối với cấp huyện là quy hoạch vùng huyện; đối với cấp xã là quy hoạch chung xây dựng xã với yêu cầu chủ yếu là rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã đã được phê duyệt theo đúng yêu cầu, theo yêu cầu phát triển xã và phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.

Đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với sự chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế sang công nghiệp, dịch vụ gắn với phát triển đô thị, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường; đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn với điều kiện tiện nghi giảm dần khoảng cách với cuộc sống người dân đô thị; phù hợp với đặc điểm sinh thái, hình thái sinh hoạt, sản xuất của dân cư các vùng, miền, đảm bảo định cư bền vững và phòng chống hiệu quả, giảm nhẹ tác động thiên tai; phát triển cơ sở hạ tầng bền vững, phù hợp với từng giai đoạn phát triển, đáp ứng yêu cầu hiệu quả, tiết kiệm trong đầu tư; kế thừa kết quả xây dựng NTM trong 10 năm giai đoạn 2010 - 2020, đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế trong xây dựng NTM, kết hợp với các yêu cầu mới trong phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM theo chiều sâu trong giai đoạn tới.

Định hướng chung trong quy hoạch bố trí, phát triển điểm dân cư nông thôn giai đoạn sau 2020 gắn với quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp và quá trình đô thị hóa

Trên cơ sở xem xét tổng quan các mặt như quá trình phát triển kinh tế, xã hội nông thôn Việt Nam và 10 năm xây dựng NTM theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7, quá trình đô thị hóa cho đến nay và các định hướng lớn của Đảng, Nhà nước liên quan chủ yếu đến quy hoạch bố trí, phát triển dân cư nông thôn giai đoạn sau 2020, đề xuất định hướng quy hoạch bố trí, phát triển điểm dân cư nông thôn giai đoạn sau 2020 gắn với quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp và quá trình đô thị hóa như sau:

Đối với quy hoạch vùng huyện: Ngoài các nội dung định hướng chung cho quy hoạch xây dựng vùng huyện theo quy định, phải thể hiện rõ các nội dung sau: Xác định được các tiểu vùng sản xuất trong huyện trên cơ sở các vùng chuyên canh, sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn và sản xuất hàng hóa đặc thù khác; hình thành và xác định các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất cấp huyện gắn với các thị trấn, trung tâm cụm xã, các cụm công nghiệp, gắn kết thuận lợi với các hệ thống hạ tầng khung, bảo đảm phục vụ cho các tiểu vùng trong huyện nhằm phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ, gắn với vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn trong tiểu vùng. Các điểm này có thể coi là các trung tâm nông thôn trên địa bàn huyện. Ngoài các điểm là thị trấn hiện có, các điểm hiện chưa là thị trấn sẽ phát triển thành đô thị nhỏ trong tương lai. Dân cư tối thiểu tại các điểm này trước mắt nên có từ khoảng 1.000 người trở lên. Trong quá trình phát triển, đây là nơi tập trung dân cư phát triển mới của toàn huyện về định cư khi có nhu cầu phù hợp. Trường Trung học phổ thông nên được bố trí tại các điểm này.

Đối với quy hoạch chung xây dựng xã

Rà soát cập nhật bổ sung cho phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt. Rà soát bổ sung, điều chỉnh các nội dung quy hoạch theo đúng yêu cầu phát triển của xã, khắc phục những tồn tại hạn chế trong xây dựng NTM hiện nay, đặc biệt là các giải

pháp nâng cao cảnh quan và môi trường.

Phát triển các điểm dân cư trung tâm xã trở thành một trong các điểm dân cư có tiềm năng nhất xã, tối thiểu 50% số công trình công cộng cơ bản cấp xã được bố trí tại khu trung tâm xã nhằm tạo bộ mặt cho xã và phục vụ người dân trong xã; dành quỹ đất cho dân cư phát triển mới hàng năm tại các điểm dân cư có tiềm năng phát triển.

Phát triển xây dựng các điểm dân cư có tiềm năng, có điều kiện sống như tại các đô thị nhỏ và cảnh quan, môi trường nông thôn bằng các giải pháp: Giữ mật độ xây dựng tối đa trong lô đất không quá 60%, tăng mật độ cây xanh, cải thiện điều kiện giao thông đáp ứng nhu cầu giao thông thuận tiện cho sinh hoạt và cho sản xuất của người dân trong thời hạn 20 năm tới. Khoảng cách tối đa hộ dân tiếp cận đường xe ô tô con đi được là 150m, tiếp cận bãi đỗ xe ô tô là 500m. Cung cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng, cấp nước tập trung, thông tin liên lạc theo tiêu chuẩn cho đô thị nhỏ. Giải pháp tốt cho thu gom, xử lý tốt nước thải, thu gom rác thải theo điều kiện từng khu vực. Việc phát triển xây dựng các điểm dân cư có tiềm năng phát triển có thể coi là việc phát triển xây dựng các điểm dân cư kiểu mẫu trong khu vực nông thôn; phát triển xây dựng hạ tầng đầu mối ngoài khu dân cư đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất hàng hóa lớn và sinh hoạt của người dân.

Các quy định về nội dung đồ án quy hoạch xây dựng NTM

Các đồ án quy hoạch xã NTM được lập và phê duyệt trước đây cần thiết phải được điều chỉnh nhằm đảm bảo: Phù hợp với Đề án xây dựng NTM trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện giai đoạn 2017 - 2020, ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/TT-BXD ngày 1/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn và các đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện đã và sẽ được lập trong thời gian tới; phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của từng địa phương đảm

bảo thuận lợi trong công tác quản lý, thực hiện.

VỀ CƠ CHẾ PHỐI HỢP GIỮA TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Bộ Xây dựng cần tăng cường phối hợp với các Bộ, ban ngành liên quan hỗ trợ các địa phương tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch xây dựng NTM một cách có hiệu quả. Phối hợp với Bộ Nội vụ tiếp tục rà soát cơ chế chính sách về cơ cấu tổ chức của UBND cấp huyện, UBND cấp xã nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng được công tác quản lý xây dựng NMT theo quy hoạch; phối hợp với các Bộ, ngành đề xuất

Chính phủ về cơ chế hỗ trợ đối với cán bộ cấp xã làm công tác kiêm nhiệm, hướng dẫn, hỗ trợ địa phương các nội dung quy hoạch chuyên ngành... tăng cường mở các lớp đáp tạo, bồi dưỡng cho cán bộ các địa phương, nhất là cấp xã nhằm nâng cao nghiệp vụ của cán bộ về công tác quản lý đầu tư về xây dựng, góp phần hạn chế sai sót trong quá trình xây dựng NTM.

Trần Đình Hà

*(Theo Vụ Quy hoạch kiến trúc -
Bộ Xây dựng)*

Quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Lâm Đồng giai đoạn 2010 - 2020 và phương hướng nhiệm vụ trong giai đoạn tiếp theo

Qua 10 năm triển khai nhiệm vụ của ngành Xây dựng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2010 - 2020, đến nay, công tác quy hoạch xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng và là công cụ quản lý, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật xã hội, góp phần tôn tạo, chỉnh trang diện mạo kiến trúc, cảnh quan vùng nông thôn khang trang hơn, đóng góp đáng kể vào thành tựu chung về phát triển kinh tế xã hội Lâm Đồng.

Trên tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Xây dựng thông qua các quyết định, chủ trương về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2010 - 2020, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành và triển khai kế hoạch trung, dài hạn để lập và triển khai quy hoạch cấp xã, quy hoạch cấp huyện NTM đáp ứng được yêu cầu về tiêu chí xã, huyện NTM của Trung ương. Trong quá trình triển khai quy hoạch, Ban chỉ đạo xây dựng NTM (Ban chỉ đạo) cấp tỉnh và

cấp huyện của tỉnh Lâm Đồng đã chú trọng đặc biệt đến chất lượng đồ án quy hoạch, huy động nguồn lực thực hiện quy hoạch.

Là đơn vị được Ban chỉ đạo, UBND tỉnh Lâm Đồng giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quy hoạch xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh, Sở Xây dựng Lâm Đồng đã chủ động tổ chức phối hợp cùng các Sở, ngành, địa phương và Bộ Xây dựng, Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia triển khai các chương trình thí điểm về xã NTM, huyện NTM trong quá trình đô thị hóa theo chủ trương của Chính phủ, đồng thời tham mưu cho UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Kế hoạch quy hoạch có lộ trình phù hợp với nguồn lực của từng địa phương, đảm bảo tiêu chí quy hoạch theo quy định, hướng dẫn kịp thời các địa phương về mặt chuyên môn, nghiệp vụ khi triển khai quy hoạch theo thẩm quyền.

Sở Xây dựng Lâm Đồng đã tham mưu cho Ban chỉ đạo và UBND tỉnh ban hành Kế hoạch, giải pháp phù hợp với tình hình địa phương để

hoàn thành các tiêu chí quy hoạch chung của các xã NTM, để 117 xã trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai xây dựng xã NTM, Sở thường xuyên nắm bắt tình hình khó khăn, vướng mắc, hướng dẫn chuyên môn kịp thời, phối hợp với các Sở, ban, ngành để ban hành các văn bản hướng dẫn liên Sở về việc lập, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng xã NTM trên địa bàn.

Đối với tiêu chí huyện NTM, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 1989/KH-UBND ngày 7/4/2017 về việc triển khai tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng vùng huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng nhằm hoàn thiện tiêu chí quy hoạch huyện NTM, đảm bảo đủ điều kiện xét công nhận huyện NTM giai đoạn 2016 - 2020. Trong quá trình triển khai, Sở đã chủ động tổ chức các hội nghị quán triệt và triển khai kế hoạch của UBND tỉnh đã ban hành, đồng thời hướng dẫn các địa phương về mặt chuyên môn trong tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, dự toán và đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện trên địa bàn tỉnh.

Đến nay đã có 7/7 huyện thuộc tỉnh Lâm Đồng tổ chức lập đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện. Qua kiểm tra thực tế cho thấy, công tác lập quy hoạch xây dựng vùng huyện cơ bản đảm bảo chất lượng, tiến độ theo kế hoạch đề ra cũng đảm bảo lộ trình huyện NTM của tỉnh Lâm Đồng, đủ điều kiện xét nhận huyện đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016 - 2020. Ngoài ra, Sở Xây dựng đã và đang cùng UBND huyện Đức Trọng phối hợp với Bộ Xây dựng và Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia triển khai thí điểm Đề án Xây dựng NTM trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017 - 2020, theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, huyện Đức Trọng là 1 trong 8 huyện điển hình trên 6 vùng toàn quốc tham gia Đề án. Hiện nay Đề án đang

trong giai đoạn hoàn thiện, trình thẩm định và phê duyệt để làm cơ sở triển khai.

Bên cạnh công tác triển khai quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch chung các xã NTM cũng được Sở tích cực triển khai, làm nền tảng và công cụ định hướng cho đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, kinh tế xã hội; cùng với đó là hoạt động cải tạo, chỉnh trang diện mạo kiến trúc cảnh quan khu vực nông thôn, bảo tồn, phát huy giá trị riêng của vùng nông thôn. Đến nay, Sở đã tập trung hướng dẫn các địa phương tổ chức lập và thực hiện 88 quy hoạch chi tiết trung tâm xã đồng thời ban hành các quy định quản lý và thực hiện theo quy hoạch, tổ chức đầu tư các công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy hoạch.

Song song với công tác quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, Sở Xây dựng Lâm Đồng chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành lập mẫu thiết kế cho các thiết chế văn hóa, trường học và nhà ở nông thôn, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, sinh hoạt văn hóa thể dục thể thao, cư trú cho nhân dân, góp phần chỉnh trang kiến trúc cảnh quan các khu trung tâm xã nói riêng và khu vực nông thôn nói chung.

Từ định hướng quy hoạch chung thành phố Đà Lạt, cơ chế đặc thù phát triển thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Sở Xây dựng đã tham mưu và đề xuất UBND tỉnh Lâm Đồng xây dựng Đề án thí điểm mô hình mới về nông thôn kiểu mẫu, đó là mô hình “Làng đô thị xanh”. Qua đó đề xuất mô hình cư trú, sản xuất gắn với thương mại, dịch vụ du lịch, hướng đến mô hình cư trú nông thôn đầy đủ tiện ích đô thị với chất lượng cuộc sống cao, tránh được các tác động tiêu cực của quá trình đô thị hóa. Hiện Đề án đang triển khai quy hoạch làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

Thời gian qua, Sở Xây dựng đã chủ trì tổ

chức cuộc họp với Hội Kiến trúc sư tỉnh Lâm Đồng và các công ty tư vấn thiết kế xây dựng trên địa bàn tỉnh tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và ban hành mẫu thiết kế nhà ở dân cư NTM, cổng rào... và công bố công khai để người dân biết, áp dụng theo hình thức miễn phí nhằm khuyến khích người dân xây dựng nhà ở theo mẫu nhằm tạo sự đồng bộ về kiến trúc của khu vực nông thôn góp phần tôn tạo cảnh quan kiến trúc khu vực nông thôn.

Hiện nay, Sở Xây dựng Lâm Đồng đang tiếp tục phối hợp với các Sở, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh để dự thảo Bộ tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu với 8 nhóm tiêu chí (Quy hoạch; giao thông; công trình kiến trúc hạ tầng xã hội; công trình kiến trúc nhà ở; điện, chiếu sáng; cấp thoát nước; thông tin truyền thông; môi trường) để trình UBND tỉnh ban hành để các địa phương áp dụng xây dựng mô hình khu dân cư mới.

Qua 10 năm thực hiện công tác quy hoạch xây dựng NTM, đến nay 100% xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã lập, thực hiện quy hoạch, quản lý quy hoạch theo quy định, tích cực triển khai quy hoạch 88 trung tâm xã làm cơ sở cải tạo, chỉnh trang. Bên cạnh những mặt tích cực đã đạt được, công tác quy hoạch xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng cũng tồn tại không ít khó khăn, hạn chế, đó là: Một số địa phương chưa chú trọng đến nội dung và chất lượng quy hoạch nên chưa khơi dậy động lực phát triển của địa phương; công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy chế quản lý quy hoạch và cắm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng ngoài thực địa còn chậm; công tác triển khai quy hoạch chi tiết để làm cơ sở cho việc đầu tư cải tạo, chỉnh trang, quản lý trật tự xây dựng và môi trường kiến trúc cảnh quan ở nông thôn chưa được quan tâm.

Đúc rút kinh nghiệm trong quá trình xây dựng NTM những năm qua và theo chỉ đạo của

Bộ Xây dựng, UBND tỉnh, Sở Xây dựng Lâm Đồng đề xuất phương hướng và giải pháp trong thời gian tới đối với lĩnh vực quy hoạch xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng như sau:

Quy hoạch xây dựng NTM là nhiệm vụ chiến lược, quan trọng, làm nền tảng cho đầu tư phát triển, bảo tồn các giá trị riêng có của từng địa phương, tạo lập giá trị cạnh tranh của Lâm Đồng với các vùng miền khác của đất nước và quốc tế; công tác quy hoạch phải thực hiện theo kế hoạch có lộ trình đảm bảo nguồn lực để thực hiện; tổ chức thí điểm những mô hình cư trú, sản xuất mới, tiên tiến, hướng tới phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và thông minh; tiếp tục phối hợp cùng với các Sở, ngành địa phương triển khai quy hoạch vùng theo kế hoạch số 1989/KH-UBND ngày 7/4/2017 của UBND tỉnh về triển khai thí điểm Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017 - 2020; tập trung triển khai quy hoạch chi tiết làm cơ sở thu hút đầu tư tạo động lực phát triển kinh tế xã hội của từng địa phương, trong đó tập trung quy hoạch xây dựng các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất, quy hoạch phát triển các khu dân cư tập trung; quy hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ, cơ sở hạ tầng khung, phát triển hệ thống hạ tầng xã hội trên địa bàn, triển khai thực hiện quy hoạch, đầu tư xây dựng theo quy hoạch đồng thời tăng cường chế tài xử lý các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất, xây dựng không đúng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tiếp tục phát huy tính tích cực trong lập, phổ biến, phát hành miễn phí cho nhân dân mẫu thiết kế nhà ở nông thôn theo hướng đa dạng và phù hợp với nhiều mức sống của bà con ở nông thôn, đồng thời tiếp tục mẫu hóa một số công trình kiến trúc công cộng khác để các thành phần người dân trong xã hội tham gia

đầu tư xây dựng và chỉnh trang cảnh quan kiến trúc nông thôn nhất là khu vực trung tâm xã; có kế hoạch triển khai quy hoạch vùng các huyện, vùng liên huyện để phân bố lao động, sản xuất hợp lý và đảm bảo tính kết nối giữa đô thị và nông thôn; lồng ghép chương trình xây dựng khu dân cư nông thôn kiểu mẫu với chương trình triển khai Đề án thí điểm mô hình “Làng đô thị xanh” theo cơ chế đặc thù đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên địa bàn thành

phố Đà Lạt, huyện Lạc Dương, huyện Đơn Dương, huyện Đức Trọng và một phần huyện Lâm Hà theo quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Đây là mô hình mới, hình mẫu phát triển vùng nông thôn Lâm Đồng trong 20 - 30 năm nữa.

Trần Đình Hà

(Theo Sở Xây dựng Lâm Đồng)

Sở Xây dựng Thanh Hóa hoàn thành tốt kế hoạch năm 2019, đẩy mạnh triển khai nhiệm vụ năm 2020

Thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch, mục tiêu đã đề ra trong năm 2019, theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Thanh Hóa, Sở Xây dựng Thanh Hóa đã nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn, thách thức để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần vào việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của ngành Xây dựng.

Năm 2019, Sở Xây dựng Thanh Hóa đã xây dựng, trình UBND tỉnh nhiều quyết định nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh, đồng thời nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, tạo sự liên kết, phối hợp nhịp nhàng giữa các phòng, ban trong giải quyết thủ tục hành chính, nêu cao tinh thần trách nhiệm, ý thức của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực thi công vụ đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp đến thực hiện các hoạt động giao dịch, góp phần thu hút đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh, đồng thời triển khai nghiêm yết địa chỉ tiếp nhận và phản ánh kiến nghị về thủ tục hành chính tại Sở Xây dựng đúng quy định của UBND tỉnh.

Đối với 5 nhiệm vụ trọng tâm năm 2019, Sở Xây dựng triển khai thực hiện có hiệu quả. Đó là, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hoàn

thành chỉ tiêu phát triển đô thị, nâng cao hiệu quả công tác quản lý quy hoạch - kiến trúc gắn với quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh, quản lý chất lượng công trình xây dựng, phát triển nhà ở đối với người nghèo và người có công cách mạng. Sở Xây dựng cũng đã thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn thuộc các lĩnh vực, như: Quản lý hạ tầng kỹ thuật, quản lý đầu tư xây dựng, quản lý nhà và thị trường bất động sản.

Đảm bảo chất lượng công trình xây dựng, Sở Xây dựng Thanh Hóa đã chủ động tổ chức kiểm tra, rà soát đánh giá an toàn chịu lực nhà ở và công trình công cộng cũ, có dấu hiệu nguy hiểm trên địa bàn tỉnh, có biện pháp phòng ngừa sự cố, tránh gây thiệt hại về người và tài sản, đồng thời đề xuất UBND tỉnh ban hành quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh và, đồng thời tổ chức hướng dẫn chi tiết về công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đến Ban quản lý dự án các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về xây dựng trên địa bàn tỉnh; năm 2019, Sở Xây dựng đã tiếp nhận, xử lý hơn 25.000 văn bản thuộc tất cả các lĩnh vực quản lý của sở (trong

đó, phát hành hơn 8.000 văn bản), các văn bản được xử lý có chất lượng, bảo đảm thời gian quy định. Tổng số hồ sơ nhận và thực hiện từ Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh là 2.075 hồ sơ, đã xử lý 1.995 hồ sơ; tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn ước đạt 125.000 tỷ đồng bằng 100% kế hoạch; giá trị sản xuất của ngành Xây dựng ước đạt 62.340 tỷ đồng (theo giá cố định năm 2010), đạt 100% kế hoạch; giá trị gia tăng của ngành Xây dựng ước đạt 19.128,7 tỷ đồng (theo giá cố định năm 2010), đạt 97,6% kế hoạch; trong tốc độ tăng trưởng 17,15% GDP toàn tỉnh, ngành Xây dựng đóng góp 1,76%; tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch đạt 93%, đạt 100% kế hoạch; tỷ lệ đô thị hóa đạt 27%, đạt 100% kế hoạch.

Theo đánh giá của Sở Xây dựng Thanh Hóa, năm 2020 có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; Nghị quyết HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh năm 2020 đã đề ra mục tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP của tỉnh từ 12,5% trở lên. Do đó, Sở Xây dựng Thanh Hóa đặt mục tiêu tổng giá trị sản xuất ngành Xây dựng Thanh Hóa (theo giá cố định năm 2010) đạt 69.509 tỷ đồng, tăng 11,5% so với ước thực hiện năm 2019; tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt 157.000 tỷ đồng, tăng 25,6% so với ước thực hiện năm 2019; tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch đô thị đạt 95%; tỷ lệ đô thị hóa đạt 35%; hoàn thành

xuất sắc các nhiệm vụ được giao thuộc lĩnh vực của ngành...

Để hoàn thành các mục tiêu trên, Sở Xây dựng Thanh Hóa sẽ tập trung rà soát toàn bộ các chương trình, kế hoạch, chủ trương, cơ chế chính sách của Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, Tỉnh ủy, HĐND, UBND đã ban hành; xác định cụ thể số liệu, kết quả đạt được; đánh giá khả năng hoàn thành kế hoạch; đề xuất các giải pháp thực hiện trong năm 2020 để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh đó, Sở sẽ tập trung thực hiện đồng bộ và quyết liệt 8 nhóm giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2020 mà UBND tỉnh đã trình trong kỳ họp thứ 11 của HĐND tỉnh khóa XVII; sớm ban hành Kế hoạch hành động của ngành, trong đó cụ thể hoá bằng quy định đối với tất cả các nhiệm vụ, chức năng, thẩm quyền mà sở được phân giao; tiếp tục nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác quản lý nhà nước về xây dựng; quan tâm hơn nữa đến điều kiện, chế độ làm việc của cán bộ, công chức; có giải pháp về đào tạo, nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ lý luận chính trị và chuyên môn cho cán bộ, công chức và người lao động trong ngành Xây dựng; đặc biệt, cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trên tất cả các lĩnh vực để đáp ứng thời kỳ công nghiệp 4.0.

Trần Đình Hà

St. Peterburg (Nga) và kiến trúc bền vững sinh thái

Trong thế kỷ XXI, những giải pháp bền vững sinh thái trong quy hoạch đô thị đã trở thành luận điểm trong chính sách của tất cả các quốc gia, các cấp chính quyền. Sự quan tâm tới môi trường tự nhiên tăng cao tại nhiều thành phố của Nga, điều này nói lên sự gia tăng nhu cầu xã hội về môi trường sinh thái. Tuy nhiên, nhiều

chuyên gia đánh giá Liên bang Nga vẫn tiến chậm hơn so với một số nước châu Âu khác, thậm chí châu Á trong việc chuyển sang các nguyên tắc phát triển bền vững. Các kiến trúc sư, các nhà quy hoạch đô thị, nhà môi trường của Nga đều mong đợi những hành động cụ thể của nhà nước để hỗ trợ xây dựng xanh, kiến

trúc xanh. Đây cũng là chủ đề chính của Hội nghị “Kiến trúc bền vững sinh thái và xây dựng xanh”, được Liên đoàn Kiến trúc sư St.Peterburg phối hợp với Ủy ban Quy hoạch & Kiến trúc St. Peteburg và Hội đồng Kiến trúc bền vững sinh thái thuộc Liên đoàn Kiến trúc sư Nga tổ chức giữa tháng 5/2019 tại St. Peterburg (Liên bang Nga).

Hiện nay, luật pháp và các chính sách quốc gia của Liên bang Nga về lĩnh vực xây dựng xanh đang định hướng: Hiệu quả năng lượng và tính sinh thái của tòa nhà/công trình là những khía cạnh cơ bản của kiến trúc bền vững sinh thái. Song bền vững sinh thái còn ngụ ý sự tương tác với môi trường đô thị và thiên nhiên xung quanh, các mối quan hệ mới trong cộng đồng, tóm lại là lối kiến trúc mở, đa dạng hơn, tương đồng hơn với con người. Tại hội nghị, Chủ tịch Liên đoàn Kiến trúc sư St. Petersburg - ông Oleg Romanov đã nhấn mạnh việc xem xét sửa đổi luật của St. Petersburg “Về các không gian xanh công cộng”. Ông cho rằng: không có sự tương tác giữa chính sách quy hoạch đô thị và các chính sách của nhà nước, thể chế pháp luật, xây dựng xanh sẽ trở thành điều không tưởng.

Nền tảng cho các chương trình quốc gia của các nước trên thế giới là 17 quy tắc phát triển bền vững của Liên hợp quốc. Chương trình quốc gia quy mô nhất để xây dựng các thành phố bền vững sinh thái và hình thành môi trường đô thị tiện nghi đã được nghiên cứu tại Trung Quốc. Năm 2015, Trung Quốc đã xây dựng 285 thành phố thông minh thí điểm. Theo kế hoạch 5 năm của quốc gia này, từ năm 2017, xây dựng các công trình xanh sẽ tăng 50% và hiệu quả năng lượng của các tòa nhà xanh sẽ tăng 20%. 81 thành phố sẽ tham gia chương trình giảm lượng khí thải carbon dioxide. Trong khi đó, Mỹ tập trung mọi nỗ lực để giảm mức tiêu thụ năng lượng. Mỹ quy định: Nếu chủ sở hữu công trình nào giảm từ 50% tổng chi phí tiêu thụ năng lượng sẽ được ưu đãi

1,8 USD/ foot vuông (Ft2). Ở Mỹ có hệ thống chứng nhận tự nguyện LEED đối với các tòa nhà thuộc sở hữu của các cơ quan chính phủ. Chẳng hạn tòa nhà Kho bạc Mỹ được chứng nhận LEED Gold tiết kiệm hơn 1 triệu USD/năm nhờ các chiến lược giảm tiêu thụ năng lượng và nước.

Tại Hà Lan, chương trình nâng cao hiệu quả năng lượng của các tòa nhà/công trình “Energiesprong” đang được triển khai. Trong khuôn khổ chương trình, 1300 dự án hiện đại hóa tòa nhà đã được thực hiện, 500 ngôi nhà tiết kiệm năng lượng mới đang được xây dựng và hơn 15 nghìn dự án xây dựng và tái thiết khác được lên kế hoạch. Chính phủ Hà Lan có nhiều chính sách trợ vốn nhằm khuyến khích việc đầu tư vào các dự án xanh, thân thiện môi trường. Tại UAE, nhà nước đảm nhận các chi phí cho chứng chỉ sinh thái.

Phần Lan cũng có những bước tiến rất ấn tượng trong lĩnh vực bền vững sinh thái. Theo đánh giá của giới kiến trúc sư, điều này được thúc đẩy thêm bởi người dân Phần Lan coi mối quan hệ với thiên nhiên như một giá trị cốt lõi. Các nguyên tắc bền vững ảnh hưởng đến tất cả các cấp về mặt lãnh thổ hành chính cũng như chính quyền. Mạng lưới giao thông và các công trình công nghiệp cũ đều trải qua những chuyển đổi quan trọng. Theo Quy hoạch tổng thể Helsinki 2017, các tuyến đường cao tốc xuyên tâm trong địa giới Thủ đô sẽ trở thành đại lộ thành phố, nơi bố trí 1/3 khối lượng nhà ở theo dự kiến tại các khu đất trống. 1/3 khác được xây tại vị trí các cơ sở công nghiệp cũ; và 1/3 còn lại – tại vị trí sân bay Malmo cũ. Năng lực tiếp cận của tất cả các quận trong Thủ đô đều được bảo đảm. Giao thông bằng xe đạp và đi bộ vẫn là ưu tiên. Cấu trúc đô thị dày đặc và giao thông bền vững sẽ giúp giảm lượng khí thải nhà kính. Các phân đoạn xanh bao gồm cả những không gian công cộng sẽ được hợp nhất thành hệ thống thống nhất.

Còn tại Nga, trong lĩnh vực bền vững sinh thái

hiện có hai chương trình quốc gia - số hóa nền kinh tế đô thị (“Thành phố thông minh”) và “Môi trường đô thị tiện nghi”. Sự hỗ trợ xây dựng xanh từ phía nhà nước chủ yếu được khuyến khích nhờ các cơ chế thị trường. Theo bộ luật về thuế, tổ chức đưa vào vận hành công trình có hiệu quả năng lượng cao sẽ được miễn thuế tài sản đối với công trình này trong 3 năm và nộp thuế lợi tức ít hơn. Từ năm 2019, Bộ Công nghiệp Nga sẽ đưa ra cơ chế tài trợ trái phiếu xanh.

Trong số các biện pháp cơ bản để phát triển xây dựng xanh và kiến trúc bền vững sinh thái tại Nga có việc hiện đại hóa các công trình hiện hữu có tính đến các thông số của kiến trúc bền vững sinh thái, xây dựng các công trình mới với mức tiêu thụ năng lượng thấp và bằng không, và lập chỉ số cho các thành phố có lượng khí thải carbon thấp. Chủ tịch Hội đồng Kiến trúc bền vững sinh thái của Nga - ông Alexander Remizov nhận định: Trong lộ trình phát triển xây dựng xanh, Nga cần chuyển đổi từ thiết kế tiêu chuẩn sang thiết kế tham số, đánh giá vòng đời công trình, tích hợp vào chương trình quy hoạch lãnh thổ vấn đề phát triển đô thị bền vững sinh thái, và xây dựng hệ thống chứng nhận quốc gia.

Trong bài tham luận về phân tích chất lượng môi trường đô thị và dân cư hiện nay của St. Petersburg, kiến trúc sư Vladimir Linov đã chỉ ra quan hệ nhân quả giữa sự hài lòng của người dân với môi trường sống, tính bền vững môi trường, sức khỏe về mặt thể chất và tâm lý của mọi người. Theo ông, trong các hệ thống chứng nhận của Nga chưa có khái niệm về ảnh hưởng của môi trường xây dựng tới tâm lý và sức khỏe tâm lý của người dân, cho dù đã có những nghiên cứu về tính cấp thiết của vấn đề. Từ những năm 1970, các nhà vệ sinh dịch tễ học đã ghi nhận sự gia tăng mạnh bệnh tật của những cư dân sống trong các tòa nhà có hơn 8 - 9 tầng. Trong các khu vực có nhiều nhà cao tầng (tức là mật độ dân số lớn hơn), số liệu thống kê thực trạng này cao hơn. Mật độ dân số được khuyến nghị ở các thành phố khoảng 450

người/ ha; tuy nhiên trên thực tế, tại các khu vực tập trung nhiều nhà cao tầng của St. Petersburg con số này cao hơn -600 người/ ha. Một khía cạnh quan trọng của môi trường đô thị bền vững là sự tương tác giữa các vùng sinh thái tự nhiên đang có hoặc được xây dựng. Trong cơ cấu những khu vực có mật độ xây dựng cao như khu đô thị mới North Valley và một số nơi khác trong St. Petersburg không thể có sự tương tác như vậy. Ông cho rằng nếu chỉ dùng các đòn bẩy kinh tế sẽ không thể cải thiện chất lượng môi trường sống. Thậm chí nhà ở trong khu vực có mật độ xây dựng cao hiện nay cũng rất ít được người dân tiếp cận. Tín dụng thế chấp đối với nhà xây đại trà không giải quyết được vấn đề này. Kinh nghiệm thế giới cho thấy vấn đề nhà ở trong điều kiện thị trường chỉ được giải quyết với sự tham gia của phân khúc nhà ở cho thuê của nhà nước (vốn chưa có ở Nga). Hiện nay, nhu cầu về nhà ở bền vững sinh thái tại Nga mới chỉ có trong phân khúc nhà cao cấp và nhà tư nhân.

Ông Igor Kokorev, Trưởng bộ phận tư vấn chiến lược tại Knight Frank St Petersburg khẳng định hai yếu tố tác động đến xây dựng xanh là cơ hội để nhà đầu tư kiếm tiền và tiết kiệm tiền. Yếu tố thứ ba - xây dựng hình ảnh, nhưng yếu tố này ít khi biểu hiện. Các công nghệ xanh ngày càng phổ biến hơn, hiệu quả năng lượng ngày càng tăng, sử dụng các vật liệu sinh thái hơn, các hệ thống kỹ thuật tiên tiến hơn. Tuy nhiên mức phát triển xây dựng xanh của Liên bang Nga vẫn tụt lùi khá xa so với nhiều nước trong khu vực. Ở châu Âu, nhu cầu xã hội đối với xây dựng xanh đã hình thành từ lâu - dự án sẽ không được chấp thuận nếu chủ công trình không đưa ra được bộ giải pháp sinh thái để thực hiện. Tại Nga xuất hiện Trung tâm thương mại xanh đầu tiên - Lakhta (St. Petersburg) với nhiều công nghệ xanh, quy trình vận hành xanh được áp dụng. Các công trình thương mại xanh được xây dựng bởi các nhà đầu tư với mục đích kiếm tiền từ các khoản đầu

tư - một thực tế hiển nhiên trong xây dựng và quy hoạch các thành phố ở Nga - sẽ chỉ xuất hiện với sự hỗ trợ tích cực của nhà nước.

Theo ông, sự hỗ trợ từ phía nhà nước thông qua các ưu đãi về thuế dành cho các dự án xanh là rất cần thiết. Hình thành nhu cầu xã hội về tính sinh thái và việc xanh hóa các không gian công cộng, ứng dụng những công nghệ thông minh, tăng khối lượng tái thiết và tái phát triển các lãnh thổ công nghiệp sẽ tạo điều kiện tích cực để phát triển bền vững sinh thái. Đối với các kiến trúc sư, các nhà đầu tư, điều quan trọng là nghiên cứu học hỏi từ kinh nghiệm của các thành phố nước ngoài có phong khí hậu tương đồng với St. Peterburg. Cho tới nay, động lực chính để phát triển kiến trúc xanh tại Nga là sự tham gia của các yếu tố nước ngoài vào dự án, theo cả hai khía cạnh đầu tư và thu hút các kiến trúc sư.

Cây trồng, thực vật xanh là yếu tố cơ bản của cảnh quan, không thể phát triển bền vững các thành phố mà thiếu yếu tố quan trọng này - đó là nhận định của người điều phối phong trào Cây xanh của St. Peterburg - bà Maria Tinika. 25-30 năm trước, St. Peterburg được gọi là thành phố xanh vì đường phố sạch, nhiều công viên cây xanh. Hiện nay, những ốc đảo xanh mát đã bị lấn chiếm bởi các bãi đỗ xe và đủ dạng công trình. Từ thập niên 1990, thành phố bắt đầu ngập tràn xe hơi, người dân ưa chuộng xe hơi và các tòa nhà cao tầng hơn là người đi bộ, cây cối... Trong khi đó ở phương Tây, các công viên, vườn cây xanh được tạo ra rất nhiều, thế chỗ những khu công nghiệp cũ, bãi chôn lấp rác, các tòa nhà bị phá dỡ... Chẳng hạn Ý đã tuyên bố năm 2020 sẽ xây dựng một thành phố - rừng cây có 30 nghìn dân, được bao phủ hoàn toàn bởi cây xanh, hàng năm sẽ có thể hấp thụ từ khí quyển hơn 10 nghìn tấn carbon dioxide và 57 tấn chất ô nhiễm, đồng thời sản xuất khoảng 900 tấn oxy.

Rất nhiều nghiên cứu khẳng định chính các không gian xanh sẽ bảo đảm sự nghỉ ngơi, sức

khỏe về mặt thể chất và tinh thần cho cư dân trong điều kiện đô thị, cải thiện khả năng nhận thức và thậm chí ảnh hưởng đến tuổi thọ của người dân. Lựa chọn tốt nhất cho người dân thành phố là sống gần những khu vườn, công viên.

St. Peterburg đề ra một biện pháp khác biệt nhằm xác định các tiêu chuẩn bảo đảm tối thiểu diện tích xanh cho người dân. Đối với các khu vực trung tâm, chỉ số là 6 m²/người; đối với các khu vực khác hiện có - 12 m²/người; đối với khu vực ngoại thành - 18 m²/người. Theo định mức này, có năm quận các chỉ số bảo đảm thấp hơn; năm quận còn lại chỉ nhỉnh hơn một chút so với mức chuẩn.

Một trong những yếu tố quan trọng trong việc phát triển xây dựng xanh là chứng nhận các tòa nhà theo tiêu chuẩn quốc tế và Nga. Các hệ thống chứng nhận của Nga, như GreenZoom, hiện đã được xây dựng và đang được triển khai áp dụng, nhưng còn quá sớm để nói về sự phổ biến rộng rãi của các tiêu chuẩn trong nước. Các dự án quan trọng được chứng nhận theo hệ thống LEED và BREEAM vẫn đóng vai trò chủ đạo trong sự phát triển xây dựng xanh tại Nga. Cuối năm 2018, Trung tâm đa năng Lakhta (quận Primorsky, St. Peterburg) đã đạt chứng nhận LEED Platinum, đạt 82/100 điểm. Có 15 trung tâm thương mại, 12 tổ hợp nhà ở, một tổ hợp căn hộ cao cấp được xây dựng mới tại St. Peterburg đạt chứng chỉ sinh thái, trong đó có trung tâm thương mại Fort Tower và trung tâm thương mại Trolor (cùng đạt chứng chỉ LEED Gold); trung tâm thương mại Spassky mới đây cũng đã đạt LEED Gold.

Các tổ hợp nhà ở Glade, Yarra Project tuy không có chứng nhận công trình xanh, nhưng có lối kiến trúc rất thú vị, và tích hợp một cách hữu cơ vào cảnh quan tự nhiên của quận Leningrad. Nhờ giải pháp tinh tế, hình oval của một tòa chung cư bốn tầng có gác mái và sân thượng, được xây dựng tại vị trí của mỏ đá lộ thiên trước đây đã trở thành một phần của thiên

nhiên và không gian xung quanh quần thể hồ nước. Trong không gian đó, con người dường như đều muốn thay đổi lối ứng xử với thiên nhiên của mình.

Về thế giới quan và các giá trị của thế giới quan, bà Svetlana Duving (Tổng giám đốc Cơ quan Phát triển bền vững Quốc gia) đã nhận xét: Để phát triển bền vững, cần phải thay đổi nhận thức của mọi người. Khi nhận thức chưa thay đổi, sẽ chẳng có gì thay đổi.

Quá trình này trước đây kéo dài hàng thế kỷ, còn hiện nay, cần nỗ lực vượt qua trong vòng 10 - 20 năm. Và chủ đề phát triển bền vững có thể đưa mọi người xích lại gần nhau. Bà cho biết

thêm St. Peterburg có mọi cơ hội để trở thành một thành phố - vườn. Theo bà, bản chất Nga của thành phố trên sông Neva dường như đang nhường cho văn hóa châu Âu, một phần do phong khí hậu gần với các nước Scandinavi với các hình thức xây dựng xanh hiện đại, lối kiến trúc bền vững sinh thái tương đồng với con người, cảnh quan xanh.

L.Natalia - Tổng thư ký Liên đoàn Kiến trúc sư St.Peterburg

Nguồn: trang tin điện tử của Liên đoàn

Kiến trúc sư St.Peterburg, 5/2019

ND: Lê Minh

THỨ TRƯỞNG NGUYỄN ĐÌNH TOÀN LÀM VIỆC VỚI GIÁM ĐỐC QUỐC GIA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI TẠI VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2020



Quang cảnh buổi làm việc



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn tặng quà cho Giám đốc quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam Ousmane Dione nhân dịp năm mới Canh Tý 2020